

2019 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



"Phát Triển Đột Phá"



Công ty cổ phần Nafoods Group

Địa chỉ Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, Nghệ An
Số điện thoại 02383 532 632
Số fax 02383 853 902
Website www.nafoods.com



MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTNN	Bảo hiểm tai nạn
BKS	Ban kiểm soát
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty	Công ty cổ phần Nafoods Group
CP	Cổ phần
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng giám đốc
BĐH	Ban điều hành
IQF (Individual Quick Frozen)	Cấp đông nhanh từng cá thể
NC & PT	Nghiên cứu & Phát triển
PTKD	Phát triển kinh doanh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCKT	Tài chính kế toán
TGD	Tổng giám đốc
THNN	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	4 - 5
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị văn hóa	6 - 7
Sự kiện nổi bật trong năm 2019	8 - 9
Tổng quan về Nafoods Group	10 - 11
Tình hình hoạt động 2019	48 - 49
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	64 - 65
Báo cáo của Hội đồng quản trị	78 - 79
Báo cáo Quản trị công ty	86 - 87
Báo cáo Phát triển bền vững	104 - 105
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019	118 - 119

Chủ tịch Hội đồng quản trị



//

Với thông điệp xuyên suốt về định hướng năm 2020: Công nghiệp/số hóa – nền móng; Chanh leo – cốt lõi/tương lai; Hệ sinh thái/chuỗi giá trị – bền vững, HĐQT cam kết sát cánh cùng Ban TGD và toàn thể CBCNV, đoàn kết một lòng để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh được thông qua, theo đúng tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược của Tập đoàn.

//

Kính thưa Quý cổ đông,

Với tầm nhìn “trở thành Tập đoàn tiên phong trong chuỗi Nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững” và sứ mệnh “cung cấp cho thế giới các sản phẩm tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân”, trong năm 2019 dù gặp nhiều thách thức nhưng với tinh thần làm việc “Kỷ luật – Hiệu quả” cùng thông điệp xuyên suốt năm 2019 “Chủ động nguyên liệu – Chủ động thị trường – Chủ động tài chính”, Nafoods Group đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật và có những dấu ấn riêng trong chặng đường phát triển của mình.

Tổng doanh thu toàn hệ thống của Nafoods năm 2019 đạt 1.070 tỷ đồng, tăng hơn 76% so với năm 2018 và tăng gần 100% so với năm 2015, đây được xem là năm có doanh thu lớn nhất trong vòng 05 năm trở lại đây của Nafoods. Cũng trong năm 2019, Nafoods là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam tạo ra được 2 giống chanh leo: Nafoods 1, Quế Phong 1 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chứng nhận và cấp quyền bảo hộ. Ngoài việc phát triển thêm nhiều thị trường mới tiềm năng như Nga, Nhật Bản, Trung Quốc; Nafoods đã bắt đầu thử nghiệm tại thị trường nội địa vào cuối năm 2019.

2019 được đánh giá là năm mà Nafoods Group có sự chuyển mình và vươn lên mạnh mẽ. Nafoods đã vinh dự nhận giải thưởng Top 5 Doanh nghiệp niêm yết có báo cáo quản trị tốt nhất năm 2019, và là Công ty về nông nghiệp thứ 2 ở Việt Nam được IFC – Tổ chức tài chính thuộc Ngân hàng thế giới đầu tư giai đoạn 1 với 8 triệu USD và cam kết tiếp tục đầu tư dài hạn, bắt đầu từ Quý 4 năm 2019. Ngoài việc giúp Nafoods mở rộng số lượng nông dân tham gia vào chuỗi cung ứng của Công ty thêm 11.500 người, IFC còn tư vấn cho Nafoods triển khai hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cho chuỗi cung ứng lạnh của Công ty phù hợp với chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm ISO:22000 được công nhận rộng rãi trên thế giới; giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Nafoods Group trên thị trường quốc tế.

Nafoods cũng đã mạnh dạn tích hợp công nghệ thông tin (IoT – Internet of Things) vào hệ thống quản lý và kiểm soát vườn trồng, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, phát triển ứng dụng quản lý đại lý, khách hàng; từng bước hiện đại hóa hoạt động nông nghiệp, tiệm cận nền nông nghiệp số thông minh.

Kính thưa Quý vị cổ đông, những gì đã làm được chính là tiền đề vững chắc cho chiến lược phát triển của hệ thống giai đoạn 2019- 2022. Mục tiêu đến năm 2022, Nafoods đạt hơn 2.300 tỷ đồng doanh thu; tỷ suất lợi nhuận gộp hơn 25%, tỷ suất EBITDA hơn 10%, ROE (lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) hơn 25%; có hơn 1.000 khách hàng chất lượng, với 70% doanh số bán trực tiếp; kiểm soát 50% nguyên liệu toàn Việt Nam cho 5 loại trái cây trọng điểm; hệ thống 5 kho chính và hơn 100 điểm chuyển giao kỹ thuật/đại lý bán giống trên cả nước.

Với thông điệp xuyên suốt về định hướng năm 2020: Công nghiệp/số hóa – nền móng; Chanh leo – cốt lõi/tương lai; Hệ sinh thái/chuỗi giá trị – bền vững, HĐQT cam kết sát cánh cùng Ban TGD và toàn thể CBCNV, đoàn kết một lòng để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh được thông qua, theo đúng tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược của Tập đoàn.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ sự trân trọng và cảm kích tới sự tin tưởng và gắn bó của Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua. Đó luôn là niềm cổ vũ lớn lao để HĐQT và Ban TGD quyết tâm đưa Nafoods Group phát triển chuyên nghiệp – hiệu quả – bền vững trong giai đoạn phía trước, mang lại lợi ích cho quý vị cổ đông và mọi sự tốt đẹp cho mọi người – đặc biệt là người nông dân Việt Nam.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Mạnh Hùng



Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị văn hóa



TẦM NHÌN

Là tập đoàn tiên phong phát triển Chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững.



SỨ MỆNH

Cung cấp cho thế giới các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân.

CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi phải tuân thủ kỷ luật, tuân thủ các quy trình, chẵn chu từ việc nhỏ nhất đến lớn nhất một cách hoàn mỹ, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả nhằm đem lại sự hài lòng cho nhân viên, khách hàng, cổ đông và mọi người.

HIỆU QUẢ

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình để hoàn thành xuất sắc công việc, đem đến kết quả tốt nhất cho Phòng, Ban và Công ty, đồng thời sử dụng thời gian và các công cụ một cách ưu việt nhất để đạt được mục tiêu đề ra.

CHẤT LƯỢNG

Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn có chất lượng tốt nhất, luôn luôn chủ động nghiên cứu và đưa ra những cải tiến sản phẩm cho khách hàng, và cùng khách hàng phát triển sản phẩm mới tăng giá trị gia tăng cho khách hàng. Chúng tôi chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm trong thời hạn sử dụng cam kết.

KHÁT VỌNG

Chúng tôi làm việc bằng niềm đam mê với chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh, bền vững của Nafoods Group; khát vọng khẳng định mình và góp phần xây dựng một Nafoods Group trường tồn và phát triển.

BỀN VỮNG

Chúng tôi luôn kiên định phát triển Công ty theo chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh, bền vững từ khâu sản xuất cây giống, trồng nguyên liệu, sản xuất chế biến và bán hàng. Từ đó đem đến cuộc sống hạnh phúc, cân bằng và giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động, bà con nông dân.

TRUNG THÀNH

Chúng tôi trước sau một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin, giữ trọn những tình cảm gắn bó, những điều đã cam kết với sự chính trực và trách nhiệm. Chúng tôi luôn trung thành với Tầm nhìn, Sứ mệnh, Văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ Nafoods Group hiện tại và tương lai, với khách hàng, cổ đông và bà con Nông dân.

SÁNG TẠO

Chúng tôi luôn tư duy sáng tạo và phát triển không ngừng nhằm tìm tòi và học hỏi để tìm ra ý tưởng mới, sản phẩm mới, cách giải quyết tốt nhất để đạt được hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.

CAM KẾT

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình cho đến khi thành công, cam kết luôn luôn gắn bó với Tầm nhìn, Sứ mệnh và giá trị văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ và khách hàng của Nafoods Group.

HỌC HỎI VÀ CHIA SẺ

Chúng tôi kiến tạo nét văn hóa học tập hiệu quả bằng sự chia sẻ kiến thức trong nội bộ. Với tinh thần sẵn sàng chia sẻ và sẵn sàng học hỏi, cả người cho và người nhận đều được nâng cao kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn. Chúng tôi nhận ra rằng, chỉ cần nhiệt huyết, tinh thần sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và truyền cảm hứng cho người khác, thì bất kỳ ai cũng đều có cơ hội trở thành giảng viên nội bộ; Và, chỉ cần sẵn sàng học hỏi, biết lắng nghe, có tinh thần xây dựng và tính cầu thị thì môi trường làm việc nội bộ là giảng đường học tập tốt nhất cho bất kỳ ai.



Sự kiện nổi bật năm 2019



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Chiều ngày 20 tháng 4 năm 2019 tại thành phố Vinh, Nghệ An, Công ty cổ phần Nafoods Group đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

LỄ CÔNG BỐ HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI IFC

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, Nafoods tổ chức lễ công bố hợp tác cùng IFC - thành viên của Ngân hàng Thế giới. Theo đó, IFC sẽ hỗ trợ Nafoods nâng cao công suất chế biến trái cây, mở rộng thị trường xuất khẩu, và phát triển hơn nữa mảng kinh doanh giống cây ăn quả mới thông qua khoản đầu tư trị giá 8 triệu USD và dịch vụ tư vấn kỹ thuật. Sự kiện này được xem là một dấu mốc triển vọng trên chặng đường phát triển của Nafoods trong giai đoạn tới.



02 GIỐNG CHANH LEO MỚI ĐƯỢC CHÍNH THỨC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG BẢO HỘ

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, Nafoods trở thành đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam tạo ra được giống cây chanh leo, khi hai (02) giống cây chanh leo mới của Nafoods tự phát triển là: Nafoods 1 và Quế Phong 1 chính thức được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn chứng nhận và cấp bằng bảo hộ.

THAM GIA WORLD TRADE MOSCOW 2019 VÀ HỘI CHỢ ANUGA 2019

Trong tháng 9 và tháng 10 năm 2019, Nafoods đã liên tiếp tham gia Hội chợ World Trade Moscow 2019 (Nga) và Hội chợ quốc tế chuyên ngành thực phẩm và đồ uống Anuga 2019 (Đức). Tại các hội chợ này, các sản phẩm thế mạnh của công ty được sản xuất từ: chanh leo, thanh long, xoài, chuối, chanh chua... đã được giới thiệu đông đảo khách hàng lớn là các Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh thực phẩm, đồ uống hàng đầu thế giới.



VINH DỰ LỘT VÀO TOP 5 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT NĂM 2019

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2019 diễn ra tại TP.Hồ Chí Minh để vinh danh 34 doanh nghiệp niêm yết xuất sắc, Nafoods đã vinh dự lọt vào Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất năm 2019.

CHÍNH THỨC KHAI TRƯƠNG NAFODS STORE

Ngày 3 tháng 12 năm 2019, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nafoods chính thức khai trương Nafoods Store. Đa dạng về chủng loại, phong phú về hình thức đóng gói, cách thức giao hàng tiện lợi và khối lượng mua tùy chọn, Nafoods Store tự tin sẽ là điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của Nafoods Group, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng tại thị trường Việt Nam.





Tổng quan về NAFOODS GROUP

Thông tin tổng quan
Quá trình hình thành và phát triển
Các sản phẩm chính
Ngành nghề kinh doanh và Năng lực sản xuất
Địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị
Công ty con, công ty liên kết
Ban lãnh đạo
Định hướng phát triển
Các chỉ số tài chính nổi bật

Thông tin tổng quan

VỀ NAFOODS GROUP

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Nafoods Group
Tên tiếng Anh	NAFOODS GROUP JOINT STOCK
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	2900326375
Ngày thành lập	26/08/1995
Vốn điều lệ	567.988.450.000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	56.798.845
Địa chỉ	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại	02383 853 322
Số fax	02383 853 902
Website	www.nafoods.com
Mã cổ phiếu	NAF

VỊ THẾ

Sau 25 năm hình thành và phát triển, Nafoods Group đã khẳng định được vị thế trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh xuất khẩu, cây giống chanh leo và trái cây tươi.

Ở Việt Nam, Nafoods Group là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong việc sản xuất nước chanh leo cô đặc. Hiện nay, Công ty chiếm hơn 80% sản lượng nước chanh leo cô đặc sản xuất tại Việt Nam với vùng nguyên liệu rộng gần 50.000 ha trải dài khắp các vùng miền và các nước láng giềng.

Trên trường quốc tế, sản phẩm chanh leo của Nafoods Group đã chinh phục được những thị trường khó tính nhất như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc ... Hiện tại, Công ty cung cấp khoảng 8% sản lượng chanh leo cô đặc trên thế giới và là nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á.

Là đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công cây giống chanh leo Đài Nông 1 sạch bệnh trên quy mô lớn, Nafoods Group sở hữu Viện giống quy mô lớn với công suất 6 triệu cây giống/năm, Nafoods Group tự hào là đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công cây giống chanh leo Đài Nông 1 kháng bệnh trên quy mô lớn, cung cấp cho vùng nguyên liệu chanh leo rộng lớn tại Việt Nam, Campuchia và Lào.



Nafoods Group là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh, trái cây sấy, các loại hạt và hoa quả tươi.



Quá trình hình thành, phát triển

1995

Ngày 26/8/1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh – tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group được thành lập, với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và phân phối nước giải khát.

2003

Nhà máy sản xuất chế biến rau quả chính thức được khánh thành và đi vào hoạt động sau một năm xây dựng ở xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây.

2010

Năm đánh dấu bước nhảy vọt về doanh thu xuất khẩu của Nafoods Group, từng bước đưa công ty ra khỏi khó khăn với sản phẩm chủ đạo: Nước ép chanh leo.

2000

Nghiên cứu Dự án Xây dựng Nhà máy chuyên sản xuất chế biến và xuất khẩu các sản phẩm rau quả.

2009

Nafoods Group mạnh mẽ thay đổi và tìm kiếm các cơ hội để ngoặt mục lợi ngược dòng vượt qua giai đoạn khó khăn. Đây cũng là năm công ty tìm kiếm và phát triển sản phẩm mới: Nước ép Chanh leo.

2013

Nafoods Group đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sản phẩm IQF, đa dạng hóa các sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đây cũng là năm song song giải quyết bài toán khủng hoảng chung toàn cầu bằng những chiến lược phát triển rõ ràng.



Quá trình hình thành, phát triển (tiếp)

2015

Nafoods Group đứng trước một vận hội lớn. Năm 2015 được đánh giá là năm đầy tiềm năng và cơ hội cho Nafoods Group với mục tiêu đã đạt được đó là niêm yết thành công và giao dịch chính thức cổ phiếu NAF trên sàn HOSE; năm ra quân mở rộng thị trường không chỉ thị trường xuất khẩu truyền thống mà còn phát triển thị trường nội địa với sản phẩm tiêu dùng Juice Smile mang thương hiệu Nafoods.

2016

Hoàn thành dự án Viện giống Nafoods, khởi công dự án xây dựng Tổ hợp sản xuất và chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An.

Nafoods Group vinh dự là 1 trong 100 doanh nghiệp được lựa chọn là doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.

2018

Khánh thành giai đoạn 1 "Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu" với tổng mức đầu tư gần 400 tỷ đồng gồm 2 hệ thống máy móc thiết bị công nghệ hiện đại của Châu Âu có công suất 7.000 tấn sản phẩm nước ép cô đặc/năm và 2 tấn sản phẩm rau củ quả IQF/giờ.

2014

Viện giống chanh leo công nghệ cao do chính công ty đầu tư chính thức đi vào hoạt động, cung ứng giống cho vùng nguyên liệu công ty sở hữu và các vùng liên kết, trọn vẹn chuỗi giá trị khép kín.

2017

Công suất viện giống đạt 6 triệu cây giống/năm.

Nafoods Group đã xuất khẩu những lô hàng Chanh leo quả tươi sang Châu Âu, đánh dấu bước ngoặt lớn cho dòng sản phẩm quả tươi, đồng thời cũng là năm thứ 2 Nafoods được vinh danh là 1 trong TOP 100 doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.

2019

Kêu gọi thành công 8 triệu USD vốn đầu tư vào cổ phiếu ưu đãi từ IFC – thành viên của Ngân hàng Thế giới và gần 500.000 USD vốn đầu tư vào cổ phiếu phổ thông của Endurance Capital Vietnam I Limited – nhằm nâng cao công suất chế biến trái cây, mở rộng thị trường xuất khẩu, và phát triển hơn nữa mảng kinh doanh giống cây ăn quả mới.



Các sản phẩm chính



NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC

Là dạng nguyên liệu chiết suất từ trái cây tươi nguyên chất, tách hơi nước từ Puree để giảm trọng lượng và linh hoạt hơn trong quá trình vận chuyển, bảo quản.

Sản phẩm Nước ép cô đặc của công ty bao gồm các sản phẩm như: nước ép chanh leo, vải, dứa, tắc, dưa hấu, chanh chua, thanh long cô đặc... Trong đó nước ép chanh leo cô đặc là **sản phẩm chủ đạo, số một** của Công ty những năm qua. Sản phẩm này ngày càng được ưa chuộng không những tại các nước tiêu thụ truyền thống như Châu Âu, Mỹ mà còn phát triển mạnh ở các nước Châu Á và Trung Đông.



RAU CỦ QUẢ ĐÔNG LẠNH IQF

Bao gồm các loại rau, củ, quả chế biến cấp đông nhanh như: Chuối IQF, Thanh long đỏ IQF, Dứa IQF, Xoài IQF, Dứa IQF, Chanh leo IQF, Cà rốt IQF, Cừnng IQF.. Sau khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động tháng 4/2018, sản lượng chế biến và doanh thu các sản phẩm này đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, ngày càng đóng góp nhiều hơn vào cơ cấu doanh thu của Nafoods Group, đặc biệt là các sản phẩm Thanh long IQF, Xoài IQF và Dứa IQF.



CÂY GIỐNG CHANH LEO

Sản phẩm cây giống Chanh leo Đài nông 1 được Viện giống Nafoods sản xuất trong Hệ thống nhà kính hiện đại với một quy trình khép kín, nghiêm ngặt kiểm soát tốt virus và giới thiệu ra thị trường từ năm 2015. Sự ra đời của sản phẩm này tạo nên vòng tròn khép kín của một chuỗi giá trị nông nghiệp dọc ở Nafoods Group.

SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bao gồm các sản phẩm sấy khô, sấy dẻo, hạt như: xoài sấy, chanh leo sấy, thanh long sấy, nhân hạt điều... chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường Nga, Trung đông... Dù mới chỉ được thử nghiệm từ Quý 4/2018, nhóm sản phẩm này đã và đang trở thành nhóm sản phẩm quan trọng, đóng góp ngày một cao trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.



NƯỚC ÉP PUREE

Là dạng nguyên liệu thô chế biến từ trái cây nguyên chất, còn gọi là trái cây nghiền nhuyễn, chứa phần thịt quả, đặc sệt hơn nước ép trái cây thông thường. Sản phẩm nước ép Puree của Công ty bao gồm các loại nước ép chanh leo, măng cầu xiêm, tắc, vải, xoài, dứa, đu đủ, dưa hấu... Trong đó, sản phẩm nước ép chanh leo Puree cũng là một trong những sản phẩm nước ép Puree được ưa chuộng nhất.



TRÁI CÂY TƯƠI

Cuối năm 2018, sản phẩm chanh leo quả tươi của Nafoods đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Nafoods. Tiếp nối thành công đó, các sản phẩm trái cây tươi như thanh long, chanh chua, chuối, xoài, dứa,... đã được xuất khẩu sang các thị trường châu Á và Trung Đông trong đó đặc biệt là thị trường Trung Quốc.





Ngành nghề và Năng lực sản xuất

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

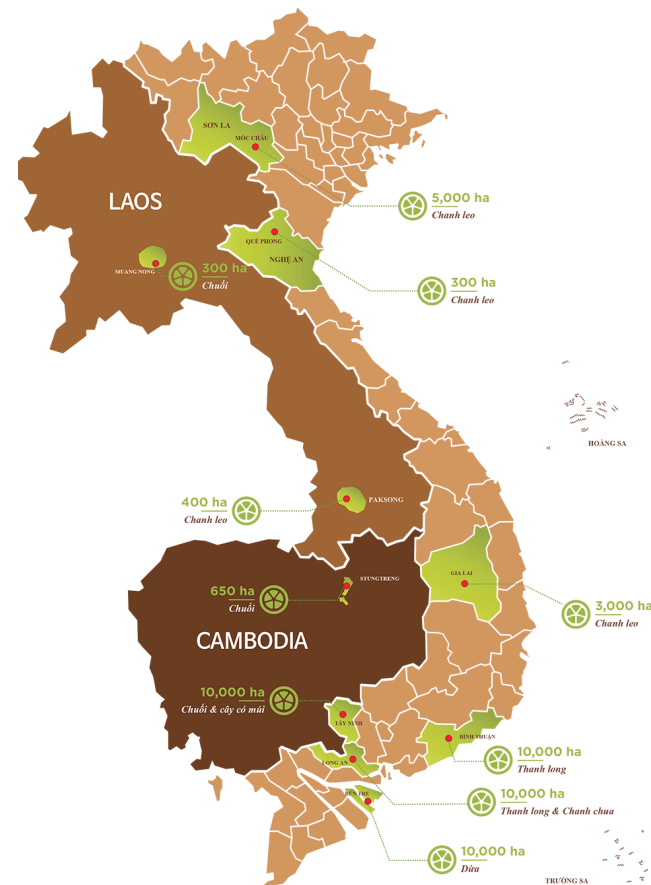
Sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả, sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

VÙNG NGUYÊN LIỆU

Vùng nguyên liệu của Nafoods Group trải dài từ Tây Bắc, các tỉnh miền Trung, các tỉnh Tây Nguyên, và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Hệ thống Nafoods Group đã và đang hợp tác làm việc với bà con nông dân, các hợp tác xã và các đối tác ở cả ba khu vực Bắc, Trung, Nam và một số đối tác lớn tại Lào, Campuchia.



CƠ SỞ SẢN XUẤT



Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Công suất: Dây chuyền cô đặc 5.000 tấn sản phẩm/năm và Dây chuyền IQF 2.900 tấn sản phẩm/năm.

Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại Ấp Hóc Thơm 1, xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Công suất: Dây chuyền cô đặc 7.500 tấn sản phẩm/năm và Dây chuyền IQF 5.000 tấn sản phẩm/năm.

Xưởng sản xuất dịch chanh leo tại Thành phố Pleiku - Gia Lai. Công suất 150 tấn dịch/tháng.

Vườn ươm giống quy mô 5 ha, công suất 6 triệu cây giống/năm, tại xã Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An.

Và một số các cơ sở sản xuất, chế biến được Nafoods Group thuê gia công khác.



- 1 Vùng nguyên liệu
- 2 Chăm sóc, thu hoạch
- 3 Sản xuất, chế biến
- 4 Phân phối, xuất khẩu



Địa bàn kinh doanh

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Nafoods Group đang cung cấp sản phẩm cây giống chanh leo Đài Nông 1 kháng bệnh, kèm kinh doanh thương mại phân bón và vật tư nông nghiệp cho bà con nông dân, các hợp tác xã, các đối tác tại các vùng nguyên liệu nêu trên của Công ty.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Các sản phẩm của Nafoods Group đã chinh phục được 70 thị trường các quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông và Úc.

Cụ thể:

Châu Âu: Nga, Hà Lan, Thụy Sĩ, Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Belarus, Nga, Lithuania, Latvia, Slovakia, Serbia, Croatia, Áo.

Châu Mỹ: Hoa Kỳ, Canada, Puerto Rico, Brazil, Jamaica, Nicaragua, Bolivia, Dominica, Mexico.

Châu Úc: Úc, New Zealand.

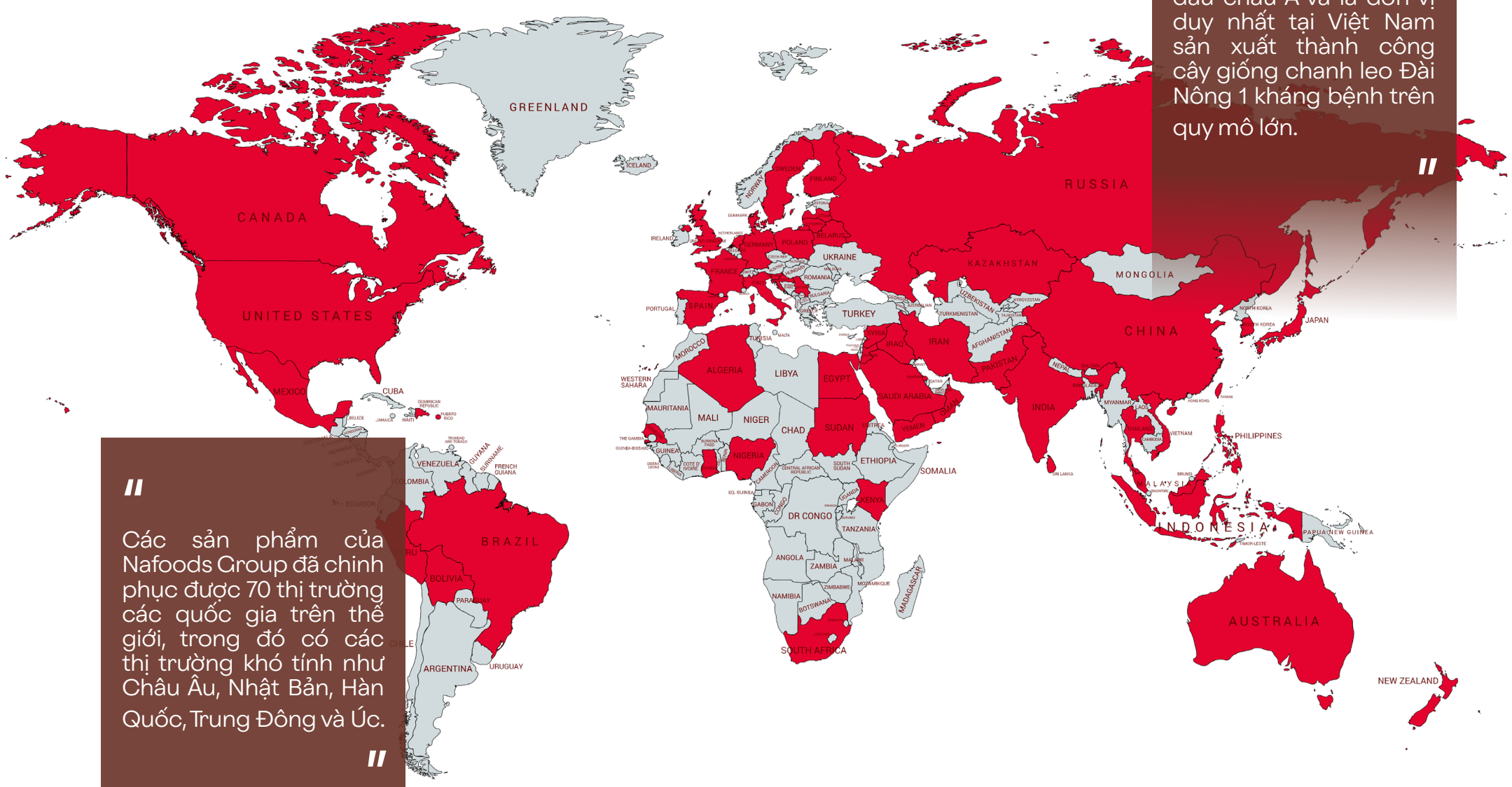
Châu Á: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Sri Lanka, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ, Kazakhstan, Pakistan, Phillippines.

Châu Phi: Nam Phi, Angeria, Senegal, Kenya, Nigeria, Camaroon, Ghana, Uganda.

Trung Đông: Ai Cập, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Liban, Palestine, Oman, Qatar, Ả Rập Saudi, Sudan, Syria, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất, Yemen, Bahrain.

“
Các sản phẩm của Nafoods Group đã chinh phục được 70 thị trường các quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông và Úc.
”

“
Nafoods Group là nhà cung cấp sản phẩm Chanh leo cô đặc hàng đầu châu Á và là đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công cây giống chanh leo Đài Nông 1 kháng bệnh trên quy mô lớn.
”

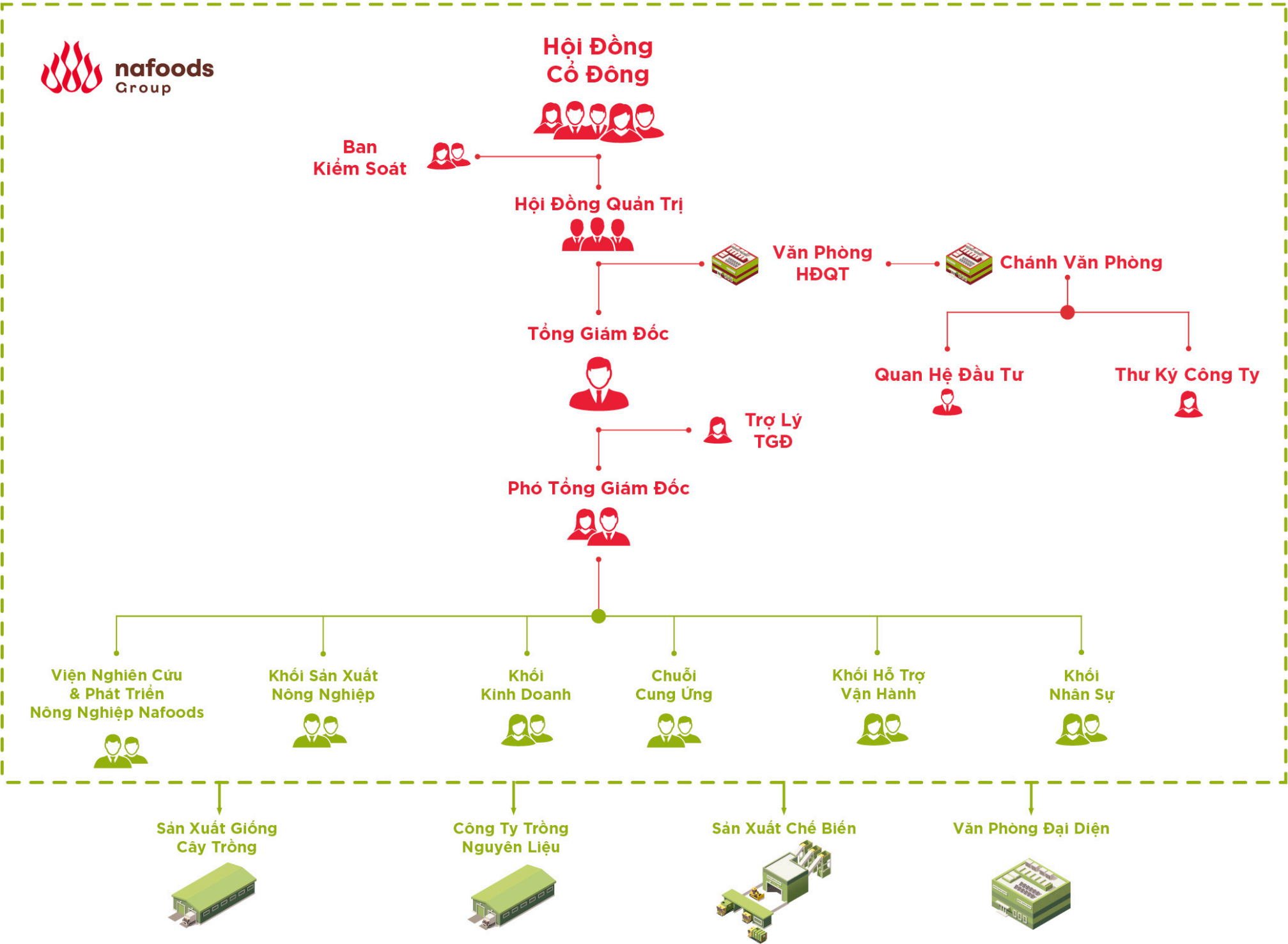




Mô hình quản trị

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty áp dụng Mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 134 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Gồm có ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Tổng giám đốc và hiện không thành lập các tiểu ban giúp việc trực thuộc HĐQT.





Công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ NAFOODS
Ngành nghề kinh doanh:
Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng
Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của NAF: 100%



CÔNG TY CP NAFOODS MIỀN NAM
Ngành nghề kinh doanh:
Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh
Vốn điều lệ: 170 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của NAF: 99,80%



CÔNG TY CP CHANH LEO NAFOODS
Ngành nghề kinh doanh:
Trồng trọt và sản xuất giống cây trồng
Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của NAF: 99,80%



CÔNG TY CP NAFOODS TÂY NGUYÊN
Ngành nghề kinh doanh:
Sản xuất giống cây trồng, Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Vốn điều lệ: 85,86 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của NAF: 99,86%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của NAF (%)
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	40	30%
Công ty CP Dược Liệu Quế Phong	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	40	30%
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả	50	35%





Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Là người đứng đầu, sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay, Ông là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 10 năm liền và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong các khóa.

Trong suốt thời gian 25 năm chèo lái con thuyền “Nafoods Group”, Ông đã vinh dự dành được nhiều giải thưởng, dự án và đề tài nghiên cứu. Với niềm đam mê, khát vọng và hoài bão góp phần làm thay đổi diện mạo nền Nông nghiệp Việt Nam, trong vai trò “thuyền trưởng” của Nafoods Group, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

1996 - 1997
Giám đốc nhà máy nước giải khát Festi.

1998 - 2008
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh.

2009 đến nay
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ChoaViet (Tiền thân TNHH Thành Vinh).

2013 đến nay
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chanh leo Nafoods.

2014 đến nay
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group.

2015 đến nay
Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành CTCP Nafoods Miền Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên.

2016 đến nay
Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Tây Bắc.

Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ VĂN MINH Thành viên HĐQT Độc lập

Trách nhiệm và đam mê với nền Nông nghiệp Việt Nam, Ông luôn dõi theo và trân trọng mô hình Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín của Nafoods Group. Khi về nghỉ hưu Ông đã được tin nhiệm để cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group. Với sự am hiểu sâu rộng về ngành, Ông luôn thể hiện vai trò độc lập để phản biện cũng như có những ý kiến đóng góp đầy tâm huyết, thẳng thắn và trách nhiệm vào chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của Nafoods Group.

KINH NGHIỆM

- 1972 - 1988: Nhân viên Vụ Khoa học – Kỹ thuật.
- 1989 - 1994: Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thủy lợi.
- 1994 - 10/1994: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thủy lợi.
- 10/1994 - 10/1996: Tổng thư ký Ủy ban Sông Mê Kông Việt Nam.
- 1996 - 2010: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn.
- 2010 - 2012: Chủ tịch Mạng lưới nước Đông Nam Á.
- 2012 đến nay: Chủ tịch Mạng lưới nước Việt Nam.
- 2015 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group.



PHẠM DUY THÁI Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Nông nghiệp

Gắn bó và đam mê với hoạt động sản xuất nông nghiệp, ngay sau khi tốt nghiệp trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội vào năm 2004, Ông đã gia nhập vào Nafoods Group. Với gần 15 năm gắn bó, trải qua nhiều vị trí khác nhau, Ông tâm đắc với những lợi thế cạnh tranh cũng như ý thức được những thách thức mà chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín Nafoods Group đã theo đuổi. Năm 2019, ông được tin nhiệm bầu vào vị trí Thành viên HĐQT của Công ty.

KINH NGHIỆM

- 2006 - 2008: Kế toán Tổng hợp CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 2008 - 2012: Thư ký Tài chính của Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 2010 - 2013: Kế toán trưởng CTCP ChoaViet.
- 2013 đến nay: Giám đốc điều hành CTCP Chanh leo Nafoods.
- 2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp CTCP Nafoods Group.
- 1/2019 đến nay: Chánh văn phòng Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group.
- 4/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group.



RYAN WALTER GALLOWAY Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Là một trong những thế hệ lãnh đạo mới của Nafoods Group. Ông được bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc kinh doanh tại Nafoods Group từ ngày 1/7/2018. Tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị Kinh doanh & Tài chính quốc tế, Tiến sỹ Luật và Tài chính. Với kinh nghiệm nhiều năm liền làm việc trong lĩnh vực phát triển doanh nghiệp, ông Ryan Walter Galloway được kỳ vọng sẽ có những đóng góp hữu ích, cùng chung tay với Ban điều hành đưa Nafoods Group ngày càng phát triển. Năm 2019, ông được tin nhiệm bầu vào vị trí Thành viên HĐQT của Công ty.

KINH NGHIỆM

- 2006: Thực tập sinh tại Tòa án quận của Hoa Kỳ khu vực Bắc Ohio.
- 2008: Thực tập sinh tại Văn phòng luật quốc tế Osaka.
- 2009: Thực tập sinh phát triển pháp lý và kinh doanh tại Công ty TNHH Hill & Kehne.
- 2007 - 2011: Thư ký luật sư tại văn phòng luật của Daniel Thiel.
- 2010 - 2011: Đồng sáng lập tại AUXESIA HOLDINGS.
- 2011 - 2018: Giám đốc Phát triển Doanh nghiệp (phát triển doanh nghiệp, huy động vốn, quan hệ nhà đầu tư) tại CTCP Hỗ trợ dịch vụ thanh toán Việt Phú.
- 7/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Kinh Doanh tại CTCP Nafoods Group.
- 4/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group.



NGUYỄN VĂN BỘ Thành viên HĐQT Độc lập

Là người suốt sự nghiệp của mình tâm huyết và gắn bó với sự phát triển của Khoa học Nông nghiệp nước nhà. Ông biết đến Nafoods Group khi đang đương nhiệm chức Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam – Viện nghiên cứu khoa học Nông nghiệp lớn nhất Viện Nam. Ông đánh giá cao và rất tâm đắc với bản lĩnh và sự mạnh dạn của Nafoods Group khi gắn sứ mệnh của mình với một Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín nhiều cơ hội nhưng không ít những thách thức. Năm 2014, Ông là người đã giới thiệu Nafoods Group với các Giáo sư đầu ngành về khoa học Nông nghiệp của Đài Loan làm tiền đề cho sự hợp tác chặt chẽ giữa Nafoods Group và Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan hiện nay. Sau khi nghỉ hưu, Ông đã được tin nhiệm để cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group.

KINH NGHIỆM

- 1995 - 1999: Viện trưởng Viện Thổ nhưỡng Nông hóa.
- 1999 - 2005: Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công Nghệ, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- 2005 - 2014: Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam.
- 2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu và đào tạo, Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam.
- 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group.





Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

JOHAN DE GEER
Thành viên HĐQT

Ông De Geer có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các thị trường mới nổi. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ về Marketing và Tài chính của Trường Kinh tế Stockholm, và một bằng phụ về Kinh doanh quốc tế từ Đại học St Petersburg.

Sau khi cư trú tại Việt Nam, ông đã cùng các cộng sự của mình sáng lập nên Endurance Capital, một công ty đầu tư hợp tác và là một trong những cổ đông lớn của Nafoods Group. Tháng 8 năm 2017, Ông đã được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT của Nafoods.

KINH NGHIỆM

- 2006 - 2009: Chuyên gia Tư vấn, The Boston Consulting Group (Stockholm).
- 2009 - 2012: Giám đốc điều hành, SIA Oriflame Latvia.
- 2012 - 2013: Giám đốc điều hành, OOO Chumak (Ukraine).
- 2012 - 2015: Giám đốc điều hành, Oriflame Vietnam Ltd.
- 6/2015 đến nay: Giám đốc điều hành/Đối tác sáng lập, Endurance Capital Group (Việt Nam).



NGUYỄN TIẾN CHINH
Thành viên HĐQT

Là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Với sự thông thạo và am hiểu sâu về hoạt động sản xuất chế biến nông sản, Ông đã nắm lòng mắt xích "sản xuất chế biến" – một khâu rất quan trọng trong chuỗi giá trị của Nafoods Group. Trải qua gần 25 năm gắn bó, Ông đảm nhận nhiều vai trò quản lý và hiện nay đang là Thành viên Hội đồng quản trị của Nafoods Group. Ông là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo quyết tâm để mắt xích sản xuất chế biến của Nafoods Group đạt các chứng chỉ khắt khe nhất, như: AIJN, Halal, Kosher, BRC, ISO 22000:2005, nhờ đó sản phẩm của Nafoods Group đã đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường khó tính nhất trên thế giới. Hiện nay, Ông còn giữ chức vụ Bí thư Chi bộ Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu.

KINH NGHIỆM

- 1985 - 1996: Quản đốc phân xưởng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.
- 1996 - 1997: Phó Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi.
- 1998 - 2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh.
- 2000 - 2002: Trưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy chế biến nước ép rau quả cô đặc 10 tấn NL/h thuộc CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 2003 đến 2014: Giám đốc sản xuất CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 2014 đến 2018: Phó Tổng Giám đốc sản xuất CTCP Nafoods Group.
- 2014 đến nay: Giám đốc điều hành CTCP Thực phẩm Nghệ An, Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Nafoods Group.



BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG
Trưởng BKS

- 2003 - 2004: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An.
- 2005 - 10/2015: Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu – Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An.
- 11/2015 - 2018: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An.
- 23/04/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group.
- 2018 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch điều phối Công ty cổ phần Nafoods Group.



HỒ QUỐC CÔNG
Thành viên BKS

- 2006 - 2008: Kế toán Tổng Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4.
- 2008 - 2011: Kế toán TH Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO.
- 2011 - 2014: PPTCKT Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO.
- 2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods.
- 23/04/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group.



HỒ MINH TUẤN
Thành viên BKS

- 2002 - 2014: Trưởng ca sản xuất Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An.
- 2014 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An.
- 2015 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group.





Ban lãnh đạo

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MANH HÙNG Tổng giám đốc



- 1996 - 1997: Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi.
- 1998 - 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh.
- 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP ChoaViet (tiền thân của CTCP Nafoods Group).
- 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh leo Nafoods.
- 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám CTCP Nafoods Group.
- 2015 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. điều hành CTCP Nafoods Miền Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên.
- 2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc.

Là người đứng đầu, sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay, Ông là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 10 năm liên và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong các khóa.

Trong suốt thời gian 25 năm chèo lái con thuyền "Nafoods Group", Ông đã vinh dự dành được nhiều giải thưởng, dự án và đề tài nghiên cứu. Với niềm đam mê, khát vọng và hoài bão góp phần làm thay đổi diện mạo nền Nông nghiệp Việt Nam, trong vai trò "thuyền trưởng" của Nafoods Group, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

DIỆP THỊ MỸ HẢO Phó Tổng giám đốc



- 5/2009 - 8/2009: Thực tập sinh Đối tác hợp tác Công - Tư, Phòng phát triển Chính sách, Liên Hiệp Quốc (New York, Hoa Kỳ).
- 2009 - 2011: Đồng sáng lập kiêm Phó Tổng Giám đốc, Auxesia Holdings.
- 2011 - 2017: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, iCare Benefits Asia/Công ty Cổ phần Hỗ trợ Dịch vụ Thanh toán Việt Phú (MobiVi) Singapore và Việt Nam.
- 7/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Nafoods Group.

Là một trong những thế hệ lãnh đạo mới của Nafoods Group, Bà chính thức được bổ nhiệm và làm việc tại Nafoods với chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính từ ngày 01/07/2018. Bà từng tốt nghiệp xuất sắc Cử nhân Kinh tế Quốc tế tại Học viện Quan hệ quốc tế (nay là Học viện Ngoại giao) trước khi dành được học bổng Fulbright của chính phủ Mỹ về lĩnh vực nghiên cứu tài chính hành vi và quản trị rủi ro đầu tư quốc tế. Hiện tại Trình độ học vấn của bà là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Tài chính Quốc tế.

Với trình độ và kinh nghiệm của mình, Bà Diệp Thị Mỹ Hảo được kỳ vọng sẽ đem lại nhiều bước tiến vượt bậc trong lĩnh vực tài chính cho Công ty.



Ban lãnh đạo

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM DUY THÁI
Phó Tổng giám đốc



RYAN WALTER GALLOWAY
Phó Tổng giám đốc



NGUYỄN THỊ TRANG
Kế toán trưởng



- 6/2008 - 6/2009: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Phân phối thông minh.
- 6/2009 - 1/2010: Chuyên viên quản lý dự án Công ty CP Phần mềm Việt.
- 1/2010 - 3/2013: Kế toán tổng hợp CTCP ChoaViet (nay là CTCP Nafoods Group).
- 4/2013 đến nay: Kế toán trưởng CTCP ChoaViet (nay là CTCP NafoodsGroup).
- 6/2016 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Chanh leo Nafoods & CTCP Nafoods Tây Bắc.

[Đã được giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị]

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2009, Bà gia nhập Nafoods Group ở vị trí Kế toán tổng hợp của Công ty từ năm 2010. Đến năm 2013, với những cống hiến của mình, Bà được Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng và là thành viên Ban Kiểm soát nội bộ của Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc. Là thành viên gắn bó với Nafoods Group 10 năm qua, đi qua bao thăng trầm, Bà tin tưởng với định hướng và chiến lược hiện tại, Nafoods Group sẽ sớm trở thành tập đoàn tiên phong phát triển Chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững, cung cấp cho thế giới các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người như tầm nhìn và sứ mệnh đã được tuyên bố.



Ban lãnh đạo

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ HẢI QUÂN Giám đốc Nhân sự



- 7/2002 - 6/2004: Giáo viên Tin học tại Công ty Cổ phần tin học Quang Hùng.
- 8/2004 - 3/2007: Phó phòng Hành chính Nhân sự, kiêm IT; Thư ký ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 4/2007 - 12/2009: Trưởng phòng HCNS, Kiêm quản lý IT, Thư ký Ban ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 1/2010 - 12/2016: Trưởng phòng HCNS kiêm trưởng phòng IT tại CTCP Thực phẩm Nghệ An.
- 1/2017 đến nay: Giám đốc Nhân sự tại CTCP Nafoods Group.

Trưởng thành trong môi trường học tập và lao động của Công ty suốt 16 năm qua, đảm nhận nhiều trọng trách trong công tác. Ông là người có nhiều đóng góp trong hoạt động xây dựng hệ thống quản lý BSC/KPI, ISO, BRC,... Tích cực triển khai các cách thức để tăng hiệu quả trong công tác quản trị nguồn nhân lực của toàn hệ thống Nafoods Group, giúp Nafoods Group ngày một tăng trưởng và lớn mạnh.

NGUYỄN VĂN VIẾT Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Phát triển Nông nghiệp Nafoods



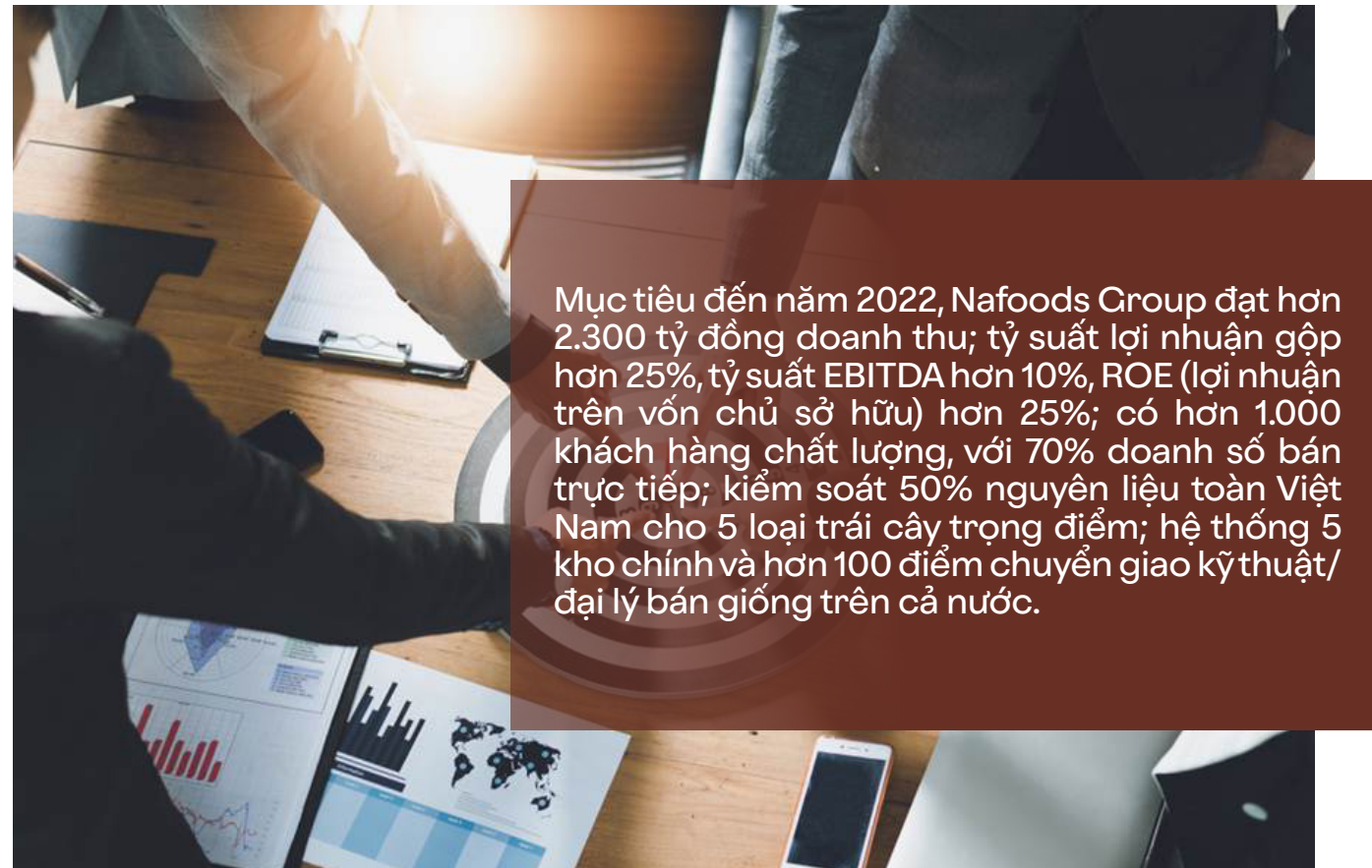
- 8/1978 - 11/1995: Trưởng bộ môn Bảo vệ thực vật tại Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm (FCRI).
- 12/1995 - 11/2005: Trưởng bộ môn Di truyền miễn dịch thực vật, Trưởng phòng khoa học và hợp tác quốc tế tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS).
- 12/2005 - 3/2017: Trưởng Ban khoa học và hợp tác quốc tế tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS).
- 4/2017 đến nay: Viện trưởng Viện nghiên cứu & PTNN Nafoods tại CTCP Nafoods Group.

Gắn bó suốt sự nghiệp của mình với ngành Khoa học Nông nghiệp, Ông có hơn 20 năm công tác tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Tâm đắc với tầm nhìn và sứ mệnh của Nafoods Goup, sau khi kết thúc công tác tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Ông đã gia nhập Công ty và được tin tưởng đảm nhận vị trí Viện trưởng Viện NN&PT Nông nghiệp Nafoods. Chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Ông, Viện NN&PT Nông nghiệp Nafoods đã chọn tạo thành công 03 giống cây Chanh leo mới mang thương hiệu Nafoods, được Bộ NN&PTNT cấp bằng bảo hộ và đồng ý cho sản xuất thử. Bên cạnh đó, Ông còn có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu thành công một số công nghệ phục vụ cho kinh doanh và chuỗi cung ứng, đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.



Định hướng phát triển

Với tầm nhìn đưa Nafoods Group trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu, tiên phong trong chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh, bền vững và sứ mệnh cung cấp sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn, thân thiện với môi trường nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân, đem lại giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động; Ban lãnh đạo Nafoods Group đã đề ra định hướng chiến lược phát triển cho giai đoạn 2018 – 2022 với nhiều mục tiêu và chiến lược cụ thể.



MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2022



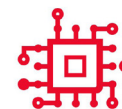
QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

- Tăng cường vai trò của HĐQT và Ban Kiểm soát.
- Tăng cường năng lực điều hành hệ thống.



VẬN HÀNH – SẢN XUẤT

- Áp dụng Mô hình 2-10: Hai nhà máy chính và 10 nhà máy/đóng gói vệ tinh.
- Nâng cấp QA đảm bảo tuyệt đối chất lượng sản phẩm.



CÔNG NGHỆ 4.0

- Nền tảng kết nối vườn trồng – điểm phân phối quốc tế/khách hàng.
- Áp dụng công nghệ Truy xuất nguồn gốc xuất xứ.



TỔ CHỨC – NHÂN SỰ

- Hệ thống đánh giá và thưởng phạt minh bạch, công bằng.
- Quản trị tài năng và kế thừa hiệu quả.



TÀI CHÍNH

- Đa dạng cơ cấu nguồn vốn, ưu tiên nguồn vốn phát triển nông nghiệp.
- Chuẩn bị nguồn vốn trước 01 năm cho sự phát triển.



Định hướng phát triển

05 TRỤ CỘT KINH DOANH



SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG (NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC, PUREE, RAU CỦ QUẢ IQF)

Nhà cung cấp tin cậy/ổn định cho các tập đoàn uy tín đa quốc gia (cả về số lượng & chất lượng)

SẢN PHẨM HOA QUẢ TƯƠI NỘI ĐỊA

Trái cây sạch, an toàn cho người tiêu dùng Việt Nam.
Hệ thống kênh bán/đại lý/thành viên với chương trình ưu đãi hợp lý.

SẢN PHẨM CÂY GIỐNG, PHÂN BÓN & VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Tập trung phục vụ đảm bảo chất lượng đầu vào cho các vườn bao tiêu.
Mô hình 3 trong 1 thông qua đối tác: Giống & Vật tư nông nghiệp – Tư vấn kỹ thuật – Bao tiêu.

SẢN PHẨM HOA QUẢ TƯƠI XUẤT KHẨU

Đơn vị trồng & liên kết mạng lưới các vườn trồng lớn nhất Đông Dương.
Nền tảng thương mại cho 50,000+ ha cây ăn trái đạt chuẩn.

SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Tối ưu hoá giá trị cho 01 ha vườn trồng với các sản phẩm hàm lượng chế biến sâu.
R&D hoàn thiện danh mục sản phẩm chiến lược.



Định hướng phát triển

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2018 - 2022

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, Ban lãnh đạo Nafoods Group đề ra các chiến lược phát triển cho giai đoạn 2018 – 2022 như sau:

CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG & KHÁCH HÀNG

Phát triển đội ngũ bán hàng trực tiếp và đại diện thương mại tại 6 thị trường trọng điểm; Cơ cấu doanh số 70% đến từ 5 loại quả chủ lực, 30% đến từ các loại khác.

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM & GIÁ BÁN

Kết hợp chính sách phân biệt giá theo thị trường, theo chất lượng sản phẩm; Phân quyền quyết định giá cho các đại diện thương mại dựa trên giá bán cơ sở.

CHIẾN LƯỢC NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Tập trung mô hình bao tiêu các vườn đủ chất lượng (Chuẩn GAP, Hữu cơ), trong đó nguyên liệu bao tiêu đảm bảo cung ứng tối thiểu 60% nhu cầu kinh doanh; Xây dựng khối nông nghiệp mạnh, tập trung vào công nghệ bảo quản sau thu hoạch, góp phần hình thành ngành công nghiệp hoa quả tươi.

CHIẾN LƯỢC BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ

Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thiết kế quy trình sales hợp lý, tăng thời gian bán hàng lên trên 60%; xây dựng chương trình đại diện thương mại ở 6 thị trường trọng điểm để tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo, tạo nguồn khách hàng tiềm năng; thiết lập hệ thống dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp.

CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT

Tăng cường QA, R&D sản phẩm, lập kế hoạch mở rộng sản xuất thông qua hệ thống nhà máy vệ tinh đủ tiêu chuẩn (hub-spoke).



//

Từ năm 2018 – 2019:

- Chủ động thị trường.
- Chủ động nguyên liệu.
- Chủ động sản xuất.
- Chủ động tài chính.

Từ năm 2020 trở đi: Nhà cung cấp tin cậy (ổn định chất lượng) cho phân khúc khách hàng trung và cao cấp //

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH, VẬN HÀNH & CÔNG NGHỆ

Có kiến trúc & lộ trình thực thi cho các ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa; Quản trị tài chính chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho tất cả các kịch bản tăng trưởng với chi phí hợp lý; Nâng cao năng lực lập kế hoạch chiến lược.

QUẢN TRỊ TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Từ chỗ Quản trị nhân sự theo phương pháp truyền thống, hệ thống lương thưởng chưa phản ánh rõ nét năng lực và kết quả; Chuyển sang: Áp dụng sáng tạo BSC & KPI; Chính sách thu nhập rõ nét 3P cho toàn tổ chức; Hệ thống quản trị tài năng và đội ngũ kế thừa để phát triển giá trị Nafoods; Hệ thống định giá nội bộ để vận hành hiệu quả các trung tâm lợi nhuận.



Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019
Khả năng thanh toán					
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	2,21	2,12	1,69	1,76
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	2,01	1,92	1,46	1,45
Tỷ suất sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	27,34%	29,44%	23,30%	22,37%
Tỷ suất EBITDA	%	16,75%	17,78%	13,16%	10,26%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	14,49%	14,44%	8,29%	8,14%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	10,22%	8,78%	4,20%	4,12%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019
Kết quả kinh doanh					
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	460,51	519,36	600,22	1.041,94
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	125,92	152,89	139,82	233,05
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	69,13	78,15	48,18	52,60
EBIT	Tỷ đồng	72,88	85,70	62,52	84,40
EBITDA	Tỷ đồng	77,12	92,36	78,97	106,93
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	67,31	78,72	45,30	52,42
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	59,96	65,48	40,43	47,92
Cân đối kế toán					
Tổng tài sản	Tỷ đồng	621,79	871,79	1.055,77	1.271,53
Nợ phải trả	Tỷ đồng	195,27	391,60	559,94	589,54
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	426,53	480,19	495,83	681,99
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,00	300,00	363,00	567,99

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019



LIÊN CỘNG

HỢP

FC & C

ROC 22

Tình hình HOẠT ĐỘNG 2019

Kết quả sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Tổ chức & Nhân sự
Tình hình thực hiện các dự án đầu tư
Cơ cấu cổ đông

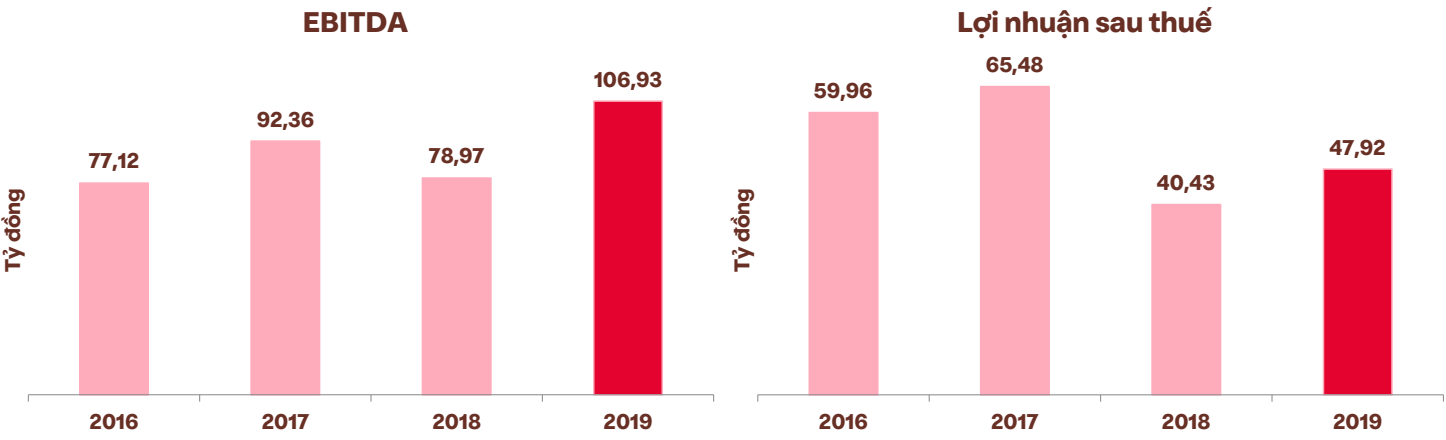
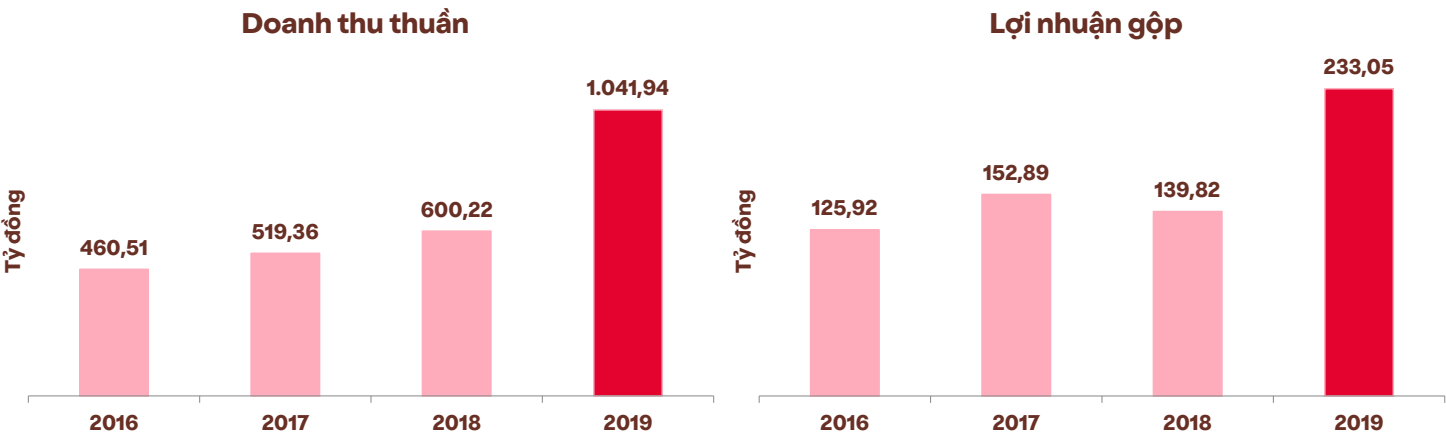


Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng/ giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	600,22	1.041,94	73,6%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	139,82	233,05	66,7%
Chi phí tài chính ròng	Tỷ đồng	-11,91	-33,79	183,7%
- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	-17,22	-31,98	85,7%
Chi phí Bán hàng & Quản lý	Tỷ đồng	-79,54	-147,87	85,9%
EBIT	Tỷ đồng	62,53	84,40	35,0%
EBITDA	Tỷ đồng	78,97	106,93	35,4%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,30	52,42	15,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,43	47,92	18,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019

- Doanh thu thuần năm 2019 đạt gần 1.042 tỷ đồng, tăng 74% so với cùng kỳ, với sự tăng trưởng mạnh ở hầu hết các nhóm sản phẩm.
- Lợi nhuận gộp đạt hơn 233 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ; biên lãi gộp đạt 22,4%, giảm nhẹ 0,9 điểm % so với năm trước.
- Chi phí lãi vay tăng 86% lên gần 32 tỷ đồng, do dư nợ vay ngắn hạn tăng để bổ sung vốn lưu động.
- Chi phí bán hàng tăng 137% so với cùng kỳ, lên mức 110 tỷ đồng, do các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, vận tải, logistic tăng mạnh, phục vụ chiến lược mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm xuất khẩu và đẩy mạnh tăng trưởng doanh số. Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 37 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 52,4 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 47,9 tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ.



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017, 2018, 2019



Tình hình tài chính

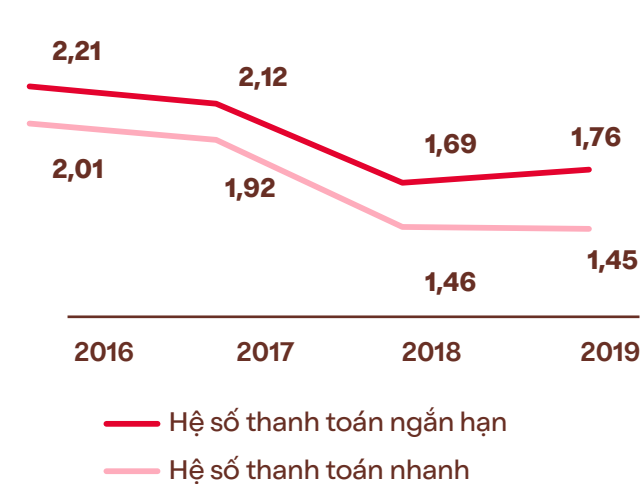
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.055,77	1.271,53	20,4%
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	595,15	819,55	37,7%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	460,62	451,98	-1,9%
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.055,77	1.271,53	20,4%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	559,94	589,54	5,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	495,83	681,99	37,5%
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	363,00	567,99	56,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019

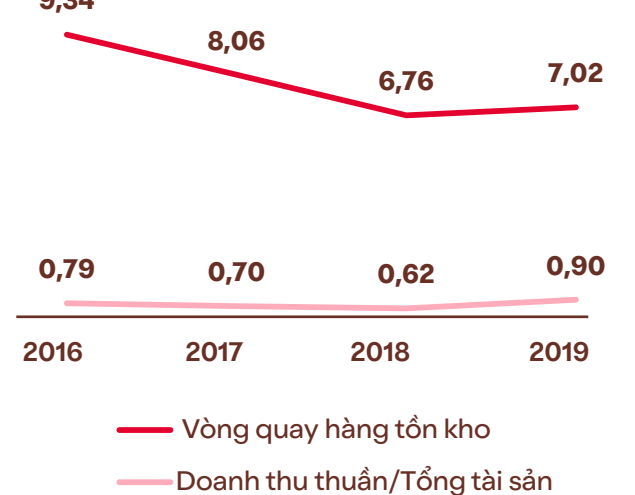
- Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 đạt 1.272 tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2018, chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng (các khoản phải thu và tồn kho tăng theo chiến lược mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm).
- Vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng 38% so với năm 2018 lên mức 682 tỷ đồng, do trong năm Công ty huy động thành công gần 200 tỷ đồng từ việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho 02 cổ đông nước ngoài là IFC và Endurance Capital Vietnam I Ltd.
- Nợ phải trả năm qua chỉ tăng nhẹ 5,3% so với cùng kỳ, lên mức 590 tỷ đồng. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn năm 2019 đạt 465 tỷ đồng, tăng 32% chủ yếu là do Công ty vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Trong khi đó, nợ phải trả dài hạn năm 2019 giảm 40% so với năm trước, ở mức 125 tỷ đồng, do dư nợ khoản vay dài hạn để đầu tư cho dự án Tổ hợp nhà máy Long An giảm.
- Hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,76 lần, cải thiện so với mức 1,69 lần của năm 2018. Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,45 lần, tương đương năm trước.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cải thiện so với năm trước.
- Trong khi đó các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có sự sụt giảm do chi phí bán hàng, chi phí khấu hao, lãi vay gia tăng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

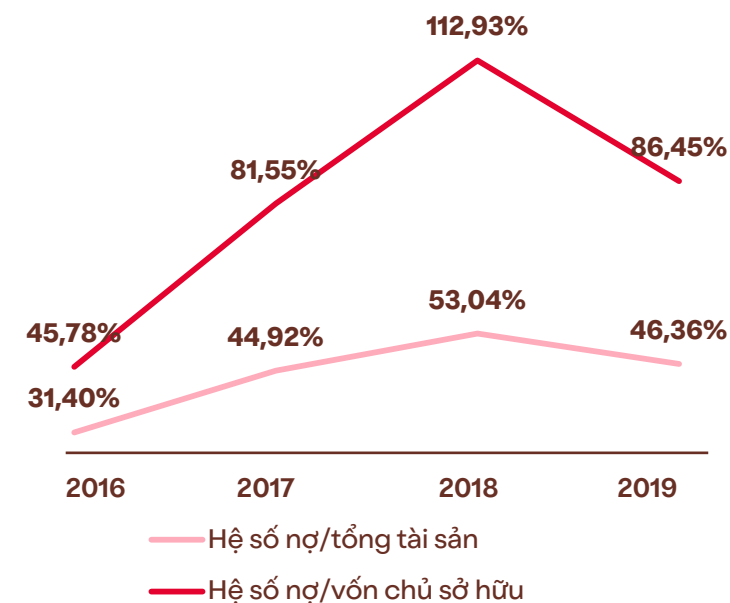
Khả năng thanh toán



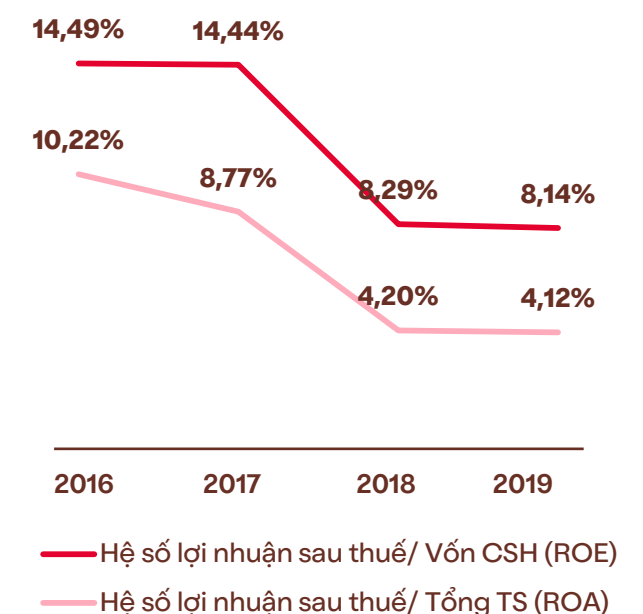
Năng lực sản xuất



Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017, 2018, 2019



Tổ chức & Nhân sự

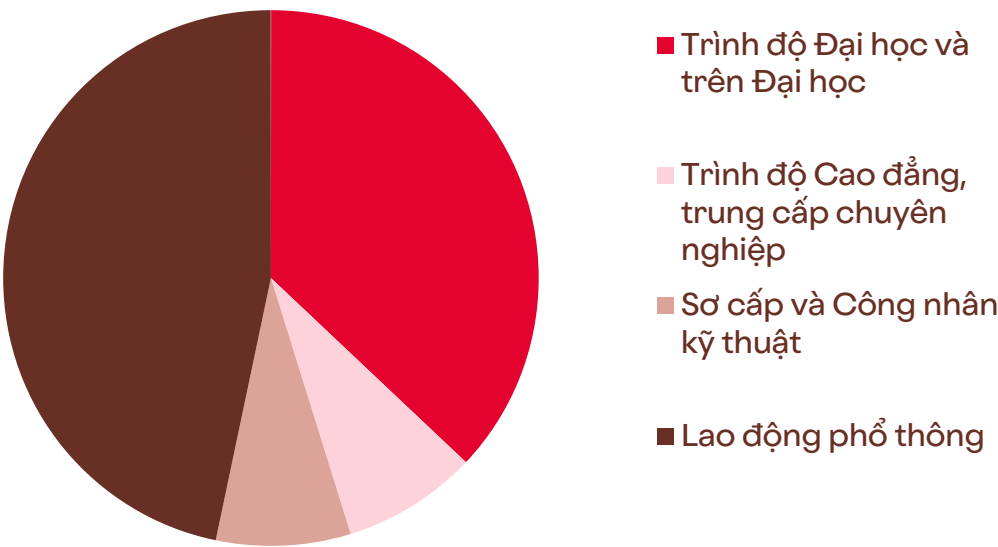
SỰ THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua đơn từ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT của bà Phan Thị Minh Châu.

Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã tín nhiệm bầu hai (02) thành viên Ban Điều hành là ông Ryan Walter Galloway và ông Phạm Duy Thái vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động 2019



Nguồn: Nafoods Group

THỐNG KÊ LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	664	100%	684	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	246	37%	246	36%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	54	8%	74	11%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	54	8%	54	8%
4	Lao động phổ thông	310	47%	310	45%
II	Theo thời hạn HĐLĐ	664	100%	684	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	398	60%	398	58%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	144	22%	144	21%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	122	18%	142	21%
III	Theo cấp quản lý	664	100%	684	100%
1	Quản lý cấp cao	7	1%	7	1%
2	Quản lý cấp trung	45	7%	45	7%
3	Quản lý cấp chi nhánh	-	0%	-	0%
4	Chuyên viên, nhân viên	612	92%	632	92%
Tổng cộng		664	100%	684	100%

Nguồn: Nafoods Group

Tổ chức & Nhân sự

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có

điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.



Chính sách lương: Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

- Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác.
- Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá định kỳ 6 tháng – 12 tháng/1 lần).
- Lương P3: Trả theo mức độ hoàn thành công việc hay trả theo hiệu quả công việc được đánh giá định kỳ tháng/ quý/ bằng công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân.





Tổ chức & Nhân sự

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc 5,5 ngày/tuần (nghỉ chiều thứ 7 và ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1,5h; bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ "Học hỏi và Phát triển", vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Tình hình thực hiện dự án

DỰ ÁN NAFOODS TÂY NGUYÊN

Trong năm Công ty tập trung triển khai thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao; Đầu tư xây dựng Nhà máy tách, phân loại, đóng gói và bảo quản hoa quả xuất khẩu; Đầu tư viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao” với tổng diện tích 10 ha tại Xã An Phú, Pleiku, Gia Lai. Dự án do Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên – công ty con của Nafoods Group - làm chủ đầu tư với mục tiêu nâng công suất vườn ươm giống của Nafoods, đóng vai trò trạm trung chuyển giống, giảm thiểu chi phí vận chuyển trong kinh doanh giống của Công ty và tạo tiền đề để xuất khẩu hoa quả tươi. Tổng vốn đầu tư của dự án hơn 150 tỷ đồng, hiện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Viện nghiên cứu Giống cây trồng và Khu nông nghiệp Công nghệ cao, các hạng mục còn lại dự kiến triển khai trong Quý 4/2020 và năm 2021.



XÂY DỰNG VIỆN NGHIÊN CỨU GIỐNG CÂY TRỒNG CÔNG NGHỆ CAO

Viện nghiên cứu sẽ được đầu tư đồng bộ với hệ thống nhà kính dùng công nghệ của Israel bao gồm nhà ươm trồng, nhà ghép, nhà thích nghi và khu nghiên cứu, phát triển các loại giống cây trồng. Dự kiến, giai đoạn 1 sẽ thực hiện nghiên cứu, sản xuất giống cây chanh leo chất lượng cao với công suất 2 triệu cây/năm. Giai đoạn 2, sẽ nghiên cứu các giống cây chất lượng cao phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của vùng Tây Nguyên như cây hồ tiêu, bơ, sầu riêng,....

NHÀ MÁY TÁCH, PHÂN LOẠI, ĐÓNG GÓI, BẢO QUẢN HOA QUẢ TƯƠI XUẤT KHẨU

Nhà máy sẽ nơi phân loại, đóng gói, bảo quản các sản phẩm gồm dịch chanh leo, các loại hoa quả dùng để xuất khẩu như chanh leo, măng cầu xiêm, xoài,...Trong đó, các loại trái cây và dịch chanh leo chất lượng cao sẽ được các đơn vị thành viên của hệ thống Nafoods xuất khẩu trực tiếp, các loại sản phẩm khác sẽ được vận chuyển về nhà máy tại Long An và Nghệ An để chế biến các sản phẩm khác như chanh leo cô đặc,... Xưởng mức dịch được đặt vị trí riêng trong nhà máy để tiện cho công tác sơ chế ban đầu và Nhà máy sẽ được đầu tư đồng bộ hệ thống, dây chuyền máy móc thiết bị tự động hóa theo công nghệ mới nhất của Israel, dự kiến nhà máy có công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm. Các sản phẩm có thể được bảo quản từ 4 đến 6 tháng mà không làm thay đổi hình thức và giảm chất lượng của sản phẩm.

KHU NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Là khu trồng mô hình chanh leo chất lượng cao, Công ty sẽ sử dụng đồng bộ các thiết bị để trồng, chăm sóc và thu hái tại mô hình này như hệ thống tưới nước, bón phân,...Dự kiến năng suất đạt từ 80 tấn/ha trở lên. Trong khu trồng nông nghiệp công nghệ cao được phân bố cụ thể như sau:

- 1ha được triển khai trồng Công nghệ cao kiểu mẫu đối với cây chanh leo trong nhà kính.
- 3ha được triển khai trồng cây chanh leo công nghệ cao ngoài trời.
- Diện tích còn lại được trồng cây đầu dòng cho một số loại cây khác.



Cơ cấu cổ đông

KHỐI LƯỢNG CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đã phát hành: 56.798.845 cổ phiếu.

- Số cổ phần ưu đãi: 12.358.933 cổ phiếu.
- Số cổ phần phổ thông: 44.439.850 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu quỹ: 62 cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghe An, Viet Nam	22.829.323	51,37%
2	Endurance Capital Vietnam I Ltd	Coastal Building, Wickham's Cay II, PO Box 2221, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	3.077.317	6,92%

Nguồn: Nafoods Group
Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2020

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông FDI	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)					
	- Trong nước	22.829.323	40,2%	1	-	1
	- Nước ngoài	3.077.317	5,4%	1	1	-
4	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	62	0,0%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	21,8%	1	1	-
7	Cổ đông khác					
	- Trong nước	18.342.473	32,3%	731	9	722
	- Nước ngoài	190.737	0,3%	29	7	22
Tổng	Trong nước	41.171.858	72,5%	733	10	723
	Nước ngoài	15.626.987	27,5%	31	9	22

Nguồn: Nafoods Group
Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2020



Báo cáo của BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
Phân tích Kết quả kinh doanh
Đánh giá khác
Kế hoạch kinh doanh năm 2020



Đánh giá Kết quả SXKD năm 2019

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019, kết quả kinh doanh của Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 giao phó, với doanh thu đạt 1.069,74 tỷ đồng, tăng 76% so với năm trước, vượt 17,38% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 47,92 tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước, bằng 94,81% kế hoạch.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	Tỷ đồng	911,33	1.069,74	117,38%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50,54	47,92	94,81%

Nguồn: Nafoods Group

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG – KHÁCH HÀNG

- Đối với các sản phẩm truyền thống (nước ép cô đặc, puree các loại, rau củ quả IQF): năm 2019 tiếp tục khai thác các thị trường sẵn có tại hơn 60 quốc gia trên thế giới. Phát triển thêm 38 khách hàng mới và đa dạng thêm 07 sản phẩm mới.
- Đối với các sản phẩm giá trị gia tăng (sấy, hạt): khai thác mạnh mẽ thị trường Nga và mở rộng thêm 05 thị trường mới tại Châu Á và Trung Đông, phát triển thêm 13 khách hàng mới và đa dạng thêm 09 sản phẩm mới.
- Đối với các sản phẩm quả tươi, năm 2019 tiếp tục duy trì thị trường Trung Quốc và Châu Âu, mở rộng thêm 05 thị trường mới trong đó có các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật... phát triển thêm 05 khách hàng mới và đa dạng thêm 02 sản phẩm mới (xoài & dứa).
- Đối với sản phẩm cây giống, năm qua, Công ty đã tiếp tục nâng cao chất lượng cây giống hiện tại, đẩy mạnh công tác bán giống trực tiếp tới tận tay người dân. Tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh bán giống vào các thị trường Tây Bắc, Tây Nguyên, miền Trung và Lào.
- Đối với mảng kinh doanh nội địa: đưa vào vận hành thử nghiệm kênh bán hàng online cho thị trường nội địa từ tháng 04/2019; khai trương showroom Nafoods Store đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2019.

CÔNG TÁC CUNG ỨNG NGUYÊN LIỆU – VẬN HÀNH SẢN XUẤT

- Áp dụng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, kiểm soát một cách hiệu quả, hợp lý công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sắp xếp lại bộ phận Kế hoạch sản xuất và bộ phận Cung ứng nguyên liệu, quy về kiểm soát tập trung ở mức tập đoàn, nhằm đảm bảo thông tin liên lạc và việc kiểm soát toàn chuỗi một cách hiệu quả, nhanh chóng.
- Thực hiện tiết kiệm được hơn 9 tỷ chi phí, tỷ lệ tiết kiệm chi phí trên kế hoạch đạt hơn 270%.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm Công ty tập trung triển khai thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao; Đầu tư xây dựng Nhà máy tách, phân loại, đóng gói và bảo quản hoa quả xuất khẩu; Đầu tư viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao” với tổng diện tích 10 ha tại Xã An Phú, Pleiku, Gia Lai. Dự án do Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên – công ty con của Nafoods Group – làm chủ đầu tư với mục tiêu nâng công suất vườn ươm giống của Nafoods, đóng vai trò trạm trung chuyển giống, giảm thiểu chi phí vận chuyển trong kinh doanh giống của Công ty và tạo tiền đề để xuất khẩu hoa quả tươi. Tổng vốn đầu tư của dự án hơn 150 tỷ đồng, hiện đã hoàn thành giai đoạn 1 và đi vào khai thác, giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến triển khai trong Quý 4/2020 và năm 2021.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN

- Làm chủ công nghệ lai tạo giống chanh leo, 02 giống chanh leo mới được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ độc quyền và công nhận sản xuất thử.
- Thử nghiệm thành công một số loại chế phẩm, phân bón phục vụ sử dụng và kinh doanh.
- Thử nghiệm thành công công nghệ bảo quản xuất khẩu chanh leo đi đường biển (3 lần) và đường bộ (thanh long).
- Hoàn thiện và chuyển giao quy trình xử lý dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trên vỏ quả chanh leo.
- Nghiên cứu và thử nghiệm công nghệ rầm chín quả xoài và chuối.
- Hợp tác với Newzealand đào tạo và xây dựng dự án về công nghệ bảo quản và tăng cường nguồn lực từ chuyên gia trong nước về công nghệ sau thu hoạch.

Đánh giá Kết quả SXKD năm 2019

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, NHÂN SỰ, ỨNG DỤNG CNTT

- Áp dụng triệt để hệ thống KPI/BSC quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời quản trị kế hoạch hành động nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Triển khai thành công hệ thống đánh giá 360 độ toàn tập đoàn cho toàn bộ nhân viên và các cấp quản lý.
- Triển khai giai đoạn 1 hệ thống HRM và e-learning.
- Xây dựng thành công quy chế hoạt động của Ban điều hành và Sổ tay nhân viên.
- Khởi động thành công hệ thống cho kênh bán hàng trực tuyến/theo mạng lưới cho thị trường Việt Nam; đặc biệt ứng dụng bán hàng dành cho đại lí.
- Hoàn thiện các phân hệ cơ bản của hệ thống NAMIS (Nafoods Management Information System) – là khởi đầu và là cơ sở của hệ thống ERP cho Nafoods, được xây dựng, tinh chỉnh dành riêng cho Nafoods để cung cấp một nền tảng Công nghệ thông tin duy nhất, chứa đựng dữ liệu về tất cả các quy trình nghiệp vụ.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC

- Thành lập phòng Kế hoạch chiến lược với chức năng, nhiệm vụ, sơ đồ tổ chức và nhân sự tuyển dụng nhằm nâng cao năng lực điều hành của tập đoàn.
- Công tác truyền thông nội bộ được cải thiện, bao gồm bảng tin tháng.
- Công tác quản trị dự án/sáng kiến mới bắt đầu đưa vào quy chuẩn hoạt động.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, QUAN HỆ ĐẦU TƯ

- Huy động thành công gần 200 tỷ vốn đầu tư từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC & Endurance, được nhiều nguồn quỹ/tài chính khác tiếp cận.
- Tạo lập được mạng lưới các nhà đầu và cho vay quốc tế, với tổng vốn huy động tiềm năng 30 triệu US\$ trong năm 2020.
- Quản trị thành công quan hệ với các ngân hàng địa phương, đơn vị thuế và giải quyết thành công các phát sinh.
- Báo cáo tài chính công bố thông tin đúng quy định.
- Công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư được quan tâm, phát hành bản tin nhà đầu tư & đối tác hàng tháng.



//

Năm 2019 với tinh thần làm việc “Kỷ luật - Hiệu quả” cùng thông điệp xuyên suốt năm “Chủ động nguyên liệu - Chủ động thị trường - Chủ động tài chính”, Nafoods Group đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật và có những dấu ấn riêng

//



Phân tích kết quả kinh doanh

NHÓM SẢN PHẨM NƯỚC ÉP CÔ ĐẶC – TĂNG TRƯỞNG TRỞ LẠI

Nước ép cô đặc	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	107,43	269,14	150,51%
Giá vốn	Tỷ đồng	91,19	231,41	153,77%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	16,24	37,73	132,23%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	15,12%	14,02%	-1,10%

Nguồn: Nafoods Group

Nhóm các sản phẩm nước ép cô đặc bao gồm các loại như: nước ép chanh leo cô đặc, nước ép tắc cô đặc, nước ép vải cô đặc... trong đó nước ép chanh leo cô đặc là sản phẩm chủ lực của Công ty. Đây là sản phẩm đầu ra cuối cùng trong một chuỗi giá trị khép kín của Nafoods Group từ khâu nghiên cứu sản xuất cây giống, phát triển vùng trồng nguyên liệu, đưa vào sản xuất chế biến sâu cho đến khâu tiêu thụ.

Sau khi gặp khó khăn do giá bán sản phẩm nước ép chanh leo cô đặc trên thị trường xuất khẩu giảm trong năm trước, nhóm sản phẩm nước ép cô đặc đã tăng trưởng trở lại trong năm 2019. Doanh thu nhóm sản phẩm này năm qua đạt hơn 269 tỷ đồng, tăng 151% so với cùng kỳ, quay trở lại đóng góp cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Biên lãi gộp duy trì so với năm trước giúp lợi nhuận gộp đạt 37,7 tỷ đồng, tăng 132% so với cùng kỳ.



NHÓM SẢN PHẨM NƯỚC ÉP PUREE – TIẾP TỤC CẢI THIỆN

Nước ép Puree	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	69,88	188,52	169,78%
Giá vốn	Tỷ đồng	62,46	156,72	150,92%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	7,42	31,80	328,55%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	10,62%	16,87%	6,25%

Nguồn: Nafoods Group

Nhóm sản phẩm Nước ép Puree của công ty bao gồm các sản phẩm tiêu biểu như: nước ép chanh leo puree, nước ép mãng cầu xiêm puree, nước ép tắc puree, nước ép gấc puree... Năm 2019, chiến lược mở rộng thị trường, đa dạng khách hàng và dòng sản phẩm đã giúp kết quả kinh doanh nhóm sản phẩm nước ép Puree ghi nhận mức tăng trưởng mạnh. Doanh thu thuần đạt gần 189 tỷ đồng, tăng gần 170% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp đạt gần 32 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm trước. Biên lãi gộp cải thiện 6,25 điểm phần trăm lên gần 17.

NHÓM SẢN PHẨM RAU CỦ QUẢ ĐÔNG LẠNH IQF – DUY TRÌ HIỆU QUẢ

Rau củ quả đông lạnh IQF	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	95,33	85,08	-10,74%
Giá vốn	Tỷ đồng	79,49	71,39	-10,19%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	15,83	13,69	-13,52%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	16,61%	16,09%	-0,52%

Nguồn: Nafoods Group

Các sản phẩm Rau củ quả đông lạnh IQF của Công ty được sử dụng công nghệ hiện đại đến từ Đức đảm bảo thời gian cấp đông nhanh, khi giải đông các sản phẩm vẫn giữ được hương vị tươi ngon. Một số sản phẩm IQF tiêu biểu như: Xoài IQF, dưa IQF, dứa IQF... Năm 2019, các sản phẩm Rau củ quả đông lạnh IQF tiếp tục duy trì hiệu quả từ năm trước với biên lãi gộp quanh mức 16%, dù doanh thu thuần và lợi nhuận gộp có sự sụt giảm nhẹ. Cụ thể, doanh thu thuần nhóm sản phẩm này đạt hơn 85 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ; Lợi nhuận gộp đạt gần 14 tỷ đồng, giảm 13,5% so với cùng kỳ.



Phân tích kết quả kinh doanh

CÂY GIỐNG CHANH LEO – KHÓ KHĂN, SỤT GIẢM

Cây giống chanh leo	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	146,40	92,08	-37,11%
Giá vốn	Tỷ đồng	66,45	31,46	-52,65%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	79,95	60,61	-24,18%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	54,61%	65,83%	11,22%

Nguồn: Nafoods Group

Cây giống là một sản phẩm quan trọng trong chuỗi giá trị nông nghiệp mà Nafoods Group hiện đang hướng tới. Chính vì vậy, Công ty xác định việc đầu tư nghiên cứu sản phẩm cây giống mới và kiểm soát chất lượng cây giống là chiến lược để đảm bảo sản phẩm cây giống của Nafoods Group luôn khỏe, kháng bệnh và phù hợp với điều kiện tự nhiên của Việt Nam. Sản phẩm cây giống chanh leo Đài Nông 1 do Nafoods Group sản xuất đã được cung cấp cho các vùng nguyên liệu khắp mọi miền đất nước. Điều này vừa giúp đem lại doanh thu cho Công ty, vừa đảm bảo được chất lượng quả chanh leo nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến.

Năm 2019, Viện giống Chanh leo kháng bệnh hoạt động ổn định, tuy nhiên do tình hình thời tiết năm qua diễn biến phức tạp, thất thường, kết quả kinh doanh sản phẩm này năm qua của Công ty có sự sụt giảm khá đáng kể. Doanh thu thuần đạt 92 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp đạt gần 61 tỷ đồng, giảm 24% so với cùng kỳ. Biên lãi gộp có sự cải thiện nhờ việc tiết giảm chi phí hiệu quả.

Bên cạnh đó, năm 2019, sau thời gian dài thử nghiệm, 02 loại giống chanh leo mới: Nafoods 1, Quế Phong 1 do Công ty tự nghiên cứu đã chính thức được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận, cấp bằng bảo hộ và đồng ý cho sản xuất thử. Dự kiến, các loại giống mới này sẽ được cung cấp ra thị trường trong năm 2020.

NHÓM SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG – DẪN KHẲNG ĐỊNH

Sản phẩm GTGT	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	39,69	199,88	403,7%
Giá vốn	Tỷ đồng	36,12	149,71	314,5%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	3,57	50,17	1305,4%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	9,00%	25,10%	16,10%

Nguồn: Nafoods Group

Nhóm sản phẩm Giá trị gia tăng, bao gồm các sản phẩm như điều sấy, hoa quả sấy... là những sản phẩm xuất khẩu mới của Công ty. Các sản phẩm này dù mới chỉ được tập trung phát triển từ tháng 10 năm 2018 nhưng đã từng bước khẳng định giá trị và mức độ đóng góp trong kết quả kinh doanh chung của Công ty. Năm 2019, doanh thu nhóm sản phẩm này đạt gần 200 tỷ đồng, tăng hơn 5 lần so với cùng kỳ, là nhóm sản phẩm có doanh thu cao thứ 2 chỉ sau nhóm sản phẩm nước ép cô đặc. Lợi nhuận gộp đạt hơn 50 tỷ đồng, tăng hơn 14 lần năm trước, cao thứ 2 chỉ sau nhóm cây giống chanh leo. Biên lãi gộp đạt hơn 25%, tăng hơn 16 điểm phần trăm so với năm trước.





Phân tích kết quả kinh doanh

NHÓM SẢN PHẨM QUẢ TƯƠI XUẤT KHẨU – CHƯA ĐẠT KỲ VỌNG

Quả tươi xuất khẩu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	21,00	167,38	696,98%
Giá vốn	Tỷ đồng	16,62	145,71	776,98%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	4,39	21,67	393,95%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	20,89%	12,94%	-7,94%

Nguồn: Nafoods Group

Tương tự nhóm sản phẩm giá trị gia tăng, nhóm sản phẩm Quả tươi xuất khẩu của Công ty cũng mới chỉ được bắt đầu tập trung phát triển từ tháng 10 năm 2018. Năm 2019, doanh thu nhóm sản phẩm này đạt hơn 167 tỷ đồng, tăng gần gấp 8 lần cùng kỳ. Lợi nhuận gộp đạt gần 22 tỷ đồng, tăng gần gấp 5 lần cùng kỳ. Biên lãi gộp đạt 12,9%, giảm 7,9 điểm phần trăm so với năm trước.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp sản phẩm này vẫn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh, nhưng nhìn chung chưa phát huy được hết tiềm năng và kỳ vọng, đặc biệt là nhóm sản phẩm quả tươi xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc. Nguyên nhân là do Công ty chưa làm chủ được vùng trồng có chứng chỉ, chất lượng; chưa làm chủ được hoạt động phân loại, đóng gói quả tươi. Kỳ vọng thời gian tới, Công ty sẽ khắc phục được những hạn chế này để gia tăng hiệu quả cho mảng kinh doanh đầy tiềm năng này.



Đánh giá khác



ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT VAY

Trong hai ba năm trở lại đây, để bổ sung vốn lưu động và đặc biệt là tài trợ cho hoạt động đầu tư tại dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An, Công ty đã sử dụng nhiều hơn nguồn vốn vay từ ngân hàng. Điều này làm cho chi phí lãi vay tăng lên và phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mặt bằng lãi suất trong những năm qua cơ bản được duy trì ở mức thấp và ổn định nên sẽ là điều kiện tốt cho Công ty trong việc tiếp cận nguồn vốn này, phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư.

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng lớn bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do gần 70% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu. Năm 2019, Tỷ giá Việt Nam đồng mặc dù có thời điểm biến động do bất ổn thương mại toàn cầu, nhưng cơ bản vẫn được Ngân hàng Nhà nước duy trì ổn định, ít xảy ra những diễn biến giật cục gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý thị trường, tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	%Tăng trưởng
Doanh thu	Tỷ đồng	1.069,74	1.350,00	26%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	47,92	66,00	38%

Nguồn: Nafoods Group

Là năm thứ 3 thực hiện kế hoạch chiến lược 5 năm (2018 – 2022), bằng thông điệp xuyên suốt cho cả năm 2020: Công nghiệp/số hóa – nền móng; Chanh leo – cốt lõi/tương lai; Hệ sinh thái/chuỗi giá trị - bền vững, Ban Tổng giám đốc Công ty đặt ra kế hoạch hoạt động cụ thể như sau:

- Đa dạng khách hàng với 20 khách hàng lớn, doanh số trên mỗi khách hàng tối thiểu ước đạt 500.000 USD.
- Đa dạng thị trường, thỏa thuận hợp tác chiến lược với các thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu và các thị trường phát triển khác.
- Định vị Chanh leo là sản phẩm chính, tiếp theo là nhóm quả chiến lược: thanh long, xoài, dưa.
- Tập trung triển khai dự án Sấy, hoàn thiện và đi vào vận hành trong năm 2020.
- Tập trung phát triển kinh doanh mảng Cây giống, đặc biệt là đối với những cây giống mới đã được công nhận.
- Tăng cấp phát triển hệ thống và lộ trình công nghệ số hóa 50% (Quản lý vùng nguyên liệu; Quản lý khách hàng, Quản lý nhân sự/tài chính và ERP cho Khối nhà máy).

Với trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban TGD cùng toàn thể CBCNV cam kết đoàn kết một lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách, biến thử thách thành cơ hội để hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Với trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban TGD cùng toàn thể CBCNV cam kết đoàn kết một lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách, biến thử thách thành cơ hội để hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.



Báo cáo của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành nông nghiệp
Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD
Kế hoạch và định hướng hoạt động



Đánh giá chung

VỀ NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Hội đồng quản trị nhận định: Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch. Tuy vậy, dưới sự chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Chính phủ, những kết quả thu được vẫn khá ấn tượng.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. Kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định với lạm phát dưới mức mục tiêu của Chính phủ. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Xuất siêu năm 2019 đạt kỷ lục 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu. Hiệp định thương mại tự do EVFTA được ký kết trong năm hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế của đất nước.

Mặc dù vậy, GDP của ngành nông nghiệp năm 2019 lại chỉ tăng trưởng 0,61% so với năm trước – là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2019, do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng, ngành chăn nuôi chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi, nông sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu.



Đánh giá của Hội đồng quản trị

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019, đối với Nafoods Group bên cạnh những thuận lợi chung từ nền kinh tế thì cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng cụ thể như sau:

Thuận lợi:

- Nafoods Group luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các Bộ/Ngành/Chính phủ trong việc phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc phát triển vùng nguyên liệu và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đoàn kết, thống nhất.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được ký kết trong năm mở ra nhiều cơ hội cho công ty, giúp các sản phẩm của Công ty xuất khẩu vào thị trường châu Âu gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Khó khăn:

- Căng thẳng thương mại dẫn đến việc gia tăng bảo hộ thông qua các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của các thị trường nông sản lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... ảnh hưởng đến các đơn vị xuất khẩu nông sản trong nước, trong đó có Nafoods Group.
- Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, khiến công tác thu mua nguyên vật liệu của Công ty gặp không ít khó khăn.
- Công ty tiếp tục tái cấu trúc mạnh mẽ về mô hình quản trị, thay đổi nhân sự chủ chốt. Các vị trí nhân sự chủ chốt mới cần có thêm thời gian để hiểu và hòa nhập vào Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị

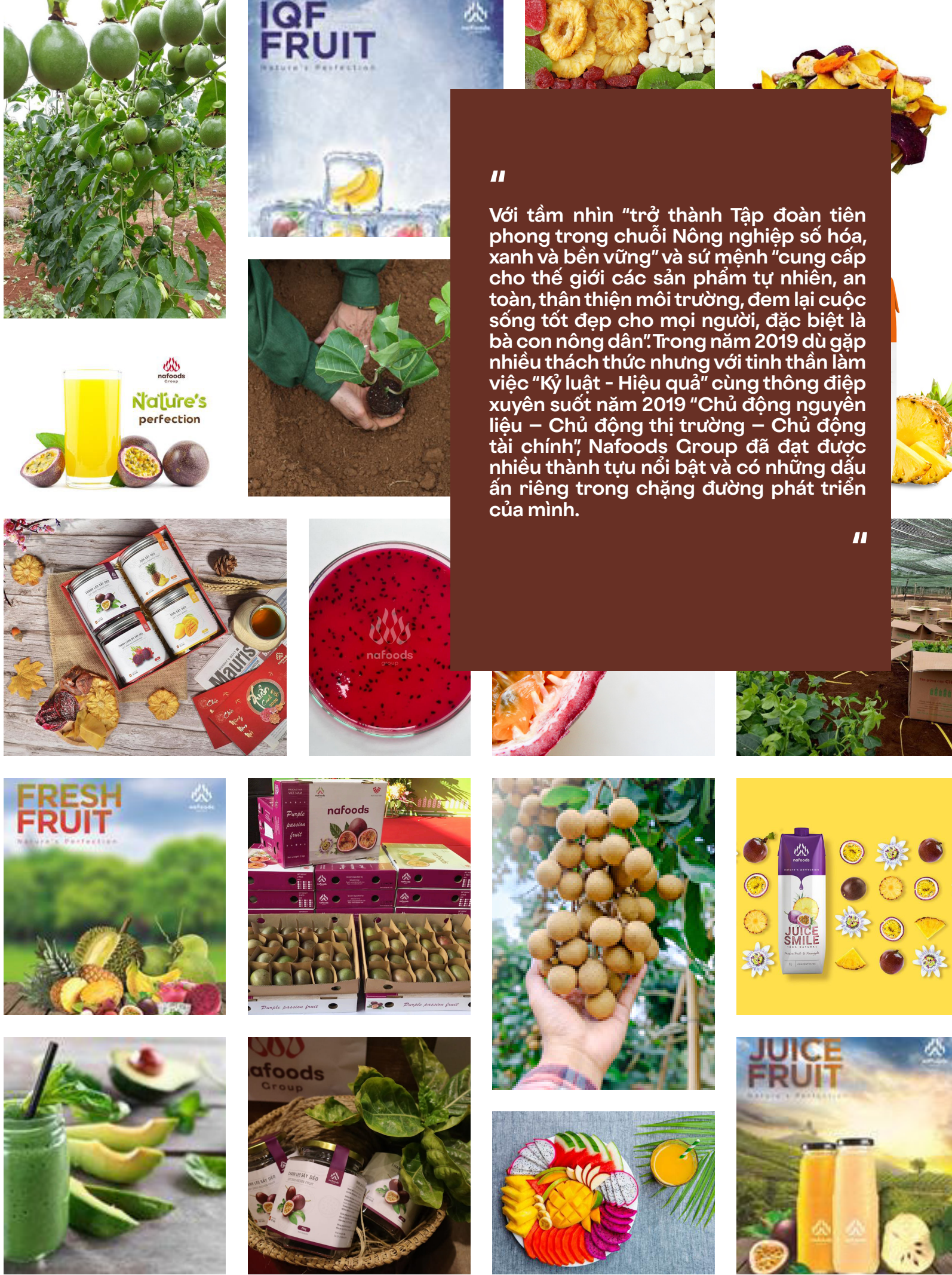
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

Với tâm thế chủ động, Nafoods Group vẫn kiên định với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược của mình, cố gắng tận dụng tối đa những thuận lợi và nỗ lực đối phó với khó khăn. Cùng tinh thần làm việc “Kỷ luật - Hiệu quả” và thông điệp xuyên suốt năm 2019 “Chủ động nguyên liệu - Chủ động thị trường - Chủ động tài chính”, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật:

- Tổng doanh thu toàn hệ thống năm 2019 đạt 1.070 tỷ đồng, tăng hơn 76% so với năm 2018, vượt hơn 17% kế hoạch, và là năm có doanh thu cao nhất kể từ khi thành lập. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 48 tỷ đồng, tăng hơn 18% so với cùng kỳ, xấp xỉ 95% kế hoạch.
- Công tác mở rộng thị trường, đa dạng khách hàng ghi nhận kết quả khả quan với việc mở rộng thêm nhiều thị trường mới tiềm năng như Nga, Nhật Bản, Trung Quốc; đa dạng thêm 70 khách hàng mới cùng nhiều loại sản phẩm mới.
- Công tác nghiên cứu phát triển đạt được thành tựu nổi bật với việc lai tạo thành công 02 giống chanh leo mới (Nafoods 1 và Quế Phong 1) được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chứng nhận, cấp quyền bảo hộ và đồng ý cho sản xuất thử.
- Kêu gọi thành công gần 200 tỷ đồng vốn đầu tư từ 02 quỹ đầu tư nước ngoài là International Finance Capital (IFC) & Endurance Capital Vietnam I Ltd; và được nhiều tổ chức/quỹ đầu tư khác tiếp cận.
- Vinh dự nhận giải thưởng Top 5 Doanh nghiệp niêm yết có báo cáo quản trị tốt nhất năm 2019.
- Mạnh dạn tích hợp công nghệ thông tin (IoT - Internet of Things) vào hệ thống quản lý và kiểm soát vườn trồng, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, phát triển ứng dụng quản lý đại lý, khách hàng; từng bước hiện đại hóa hoạt động nông nghiệp, tiệm cận nền nông nghiệp số thông minh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	
			Kế hoạch	So với TH năm 2019
Doanh thu thực hiện	Triệu đồng	1.069.744	1.350.000	26%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	47.919	66.000	38%

Nguồn: Nafoods Group



“
Với tầm nhìn “trở thành Tập đoàn tiên phong trong chuỗi Nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững” và sứ mệnh “cung cấp cho thế giới các sản phẩm tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân”. Trong năm 2019 dù gặp nhiều thách thức nhưng với tinh thần làm việc “Kỷ luật - Hiệu quả” cùng thông điệp xuyên suốt năm 2019 “Chủ động nguyên liệu – Chủ động thị trường – Chủ động tài chính”, Nafoods Group đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật và có những dấu ấn riêng trong chặng đường phát triển của mình.
”



Đánh giá của Hội đồng quản trị

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

- Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam năm qua, Ban Tổng Giám đốc Nafoods Group vẫn vững vàng chỉ đạo công ty hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh, và cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh ĐHĐCĐ đặt ra đầu năm 2019 (doanh thu vượt 17% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 95% so với kế hoạch).
- Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã mạnh dạn thử nghiệm phát triển các kênh kinh doanh, dòng sản phẩm mới; nỗ lực tìm kiếm cơ hội tiếp cận, mở rộng, đa dạng thị trường; chủ động tìm kiếm các giải pháp, để giảm bớt gánh nặng tài chính như chủ động tìm kiếm các đối tác đầu tư, đề xuất giải pháp tăng vốn điều lệ, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ.
- Bên cạnh đó, trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá lại kế hoạch chiến lược, Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện Bản kế hoạch chiến lược và mô hình quản trị trong giai đoạn 5 năm 2018 – 2022 với mục tiêu xây dựng Nafoods trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu tiên phong trong chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh, bền vững để thực hiện các sứ mệnh đã đề ra; Đem lại Sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường; Đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân; Đem lại giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động.

NHỮNG MẶT CHƯA LÀM ĐƯỢC & NGUYÊN NHÂN

- Kết quả kinh doanh mảng hoa quả tươi xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc chưa đạt kỳ vọng do đây là một mảng kinh doanh hoàn toàn mới. Trái cây tươi là sản phẩm có thời gian bảo quản ngắn, cùng với lượng lớn các đối thủ cạnh tranh. Do vậy, sau thời gian thử nghiệm, Ban lãnh đạo đã tạm ngưng để nghiên cứu, tìm kiếm hướng đi mới hợp lý và hiệu quả hơn;
- Chiến lược ký kết hợp đồng bao tiêu với các nông hộ lớn chưa đạt kế hoạch đặt ra. Sau một thời gian triển khai, đi kèm với việc tạm ngưng hoạt động kinh doanh quả tươi; việc ký kết hợp đồng bao tiêu số lượng lớn với các nông hộ theo đó cũng đã được ngưng để điều chỉnh hướng tiếp cận mới trong thời gian tới.
- Cần xây dựng hệ thống nhân sự kế thừa một cách bài bản, hợp với quy mô và tốc độ phát triển của Tập đoàn. Trước thách thức tăng trưởng nhanh và mạnh của hệ thống, việc chuẩn bị nguồn nhân lực cốt lõi với những kỹ năng, kiến thức đa dạng, chuyên môn cao trở thành một điểm trọng yếu của Nafoods.
- Hoạt động kiểm soát nội bộ - tuân thủ chưa được thực hiện đồng bộ và thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác lập kế hoạch và sắp xếp thời gian để thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong hệ thống chưa thực sự được chú trọng.

Kế hoạch và định hướng hoạt động

Kế hoạch doanh thu năm 2020 đạt 1.350 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 66 tỷ đồng

Năm 2020, HĐQT sẽ được tái cấu trúc và bầu lại, nhiệm kỳ của HĐQT mới tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, kịp thời khắc phục những điểm chưa làm được để cùng Ban Tổng giám đốc Công ty phấn đấu đưa công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó:

- Doanh thu: 1.350 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 66 tỷ đồng.

Để hoàn thành những mục tiêu trên, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2020 như sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Ban TGD triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020 do ĐHĐCĐ giao phó.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của công ty phù hợp tình hình thực tế.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí của công ty.
- Tìm kiếm thêm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch nhân sự kế thừa và chính sách lương – thưởng.



Báo cáo QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Thù lao Ban lãnh đạo
Các giao dịch, hợp đồng của cổ đông nội bộ và người liên quan
Tăng cường quản trị công ty
Quản trị rủi ro



Hội đồng quản trị

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	22.829.323	24,32%
2	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	214.766	0,48%
3	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	3.795	0,01%
4	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	12.650	0,03%
5	Ông Johan de Geer	Thành viên	3.077.317*	6,92%*
6	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	25.980	0,06%
7	Ông Ryan Walter Galloway	Thành viên	340.066	0,77%

**Đại diện cho Quỹ Endurance Capital Vietnam I Ltd*



Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nafoods Group đã tiến hành 17 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	17/17	100%	
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch	4/17	24%	Từ ngày 20/4/2019 Bà Phan Thị Minh Châu không còn là thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	17/17	100%	
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	17/17	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	17/17	100%	
6	Ông Johan de Geer	Thành viên	17/17	100%	
7	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	13/17	76%	Ông Phạm Duy Thái là thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2019
8	Ông Ryan Walter Galloway	Thành viên	13/17	76%	Ông Ryan Walter Galloway là thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2019

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện nay, Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập là ông Lê Văn Minh, ông Nguyễn Văn Bộ. Hai thành viên độc lập của HĐQT, từng giữ những vị trí quan trọng trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam nên có nhiều bề dày kinh nghiệm và tâm huyết với hoạt động sản xuất Nông nghiệp của Công ty.

- Trong năm 2019, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có những ý kiến độc lập về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- Giám sát hoạt động của HĐQT theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Khi có các giao dịch chuyển nhượng cổ phần liên quan đến các thành viên trong HĐQT, các thành viên độc lập đã giám sát quá trình chuyển nhượng, đưa ra các quan điểm độc lập nhằm bảo vệ lợi ích chung của công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thuộc phạm vi chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và làm việc trực tiếp với Ban Tổng giám đốc theo các nội dung mà HĐQT xét thấy cần thiết để chủ động chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai đồng bộ đến các công ty trong hệ thống Nafoods Group, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, xây dựng các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của Ban Giám đốc và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty và các Công ty trong hệ thống Nafoods Group.
- Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành kêu gọi sự đầu tư của tổ chức thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới là IFC, góp phần nâng cao công suất chế biến trái cây, mở rộng thị trường xuất khẩu, và phát triển hơn nữa mảng kinh doanh giống cây ăn quả mới thông qua khoản đầu tư và dịch vụ tư vấn kỹ thuật.
- HĐQT đã thông qua và giám sát chặt chẽ việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Endurance Capital Viet Nam I và phát hành cổ phiếu ưu đãi cho IFC.



Hội đồng quản trị

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/NQ-HĐQT	14/1/2019	Thông qua việc Nafoods Group góp vốn vào Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Túc
02/NQ-HĐQT	16/2/2019	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ, thông qua ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ, thông qua thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức Đại hội
03/NQ-HĐQT	23/2/2019	Thông qua việc chuyển nhượng dự án Phát triển 140 ha cây gấc lai đen thương phẩm thuộc xã Tân Thắng, Quỳnh Lưu, Nghệ An cho CTCP Sản xuất và Cung ứng rau quả sạch Quốc Tế (Công ty con của TH Group)
04/NQ-HĐQT	10/4/2019	Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và thông qua các Báo cáo, tờ trình tại ĐHĐCĐ
05/NQ-HĐQT	23/4/2019	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
06/NQ-HĐQT	7/5/2019	Thông qua việc ký kết Hợp đồng vay chuyển đổi giữa Nafoods Group và Endurance Vietnam Capital I
07/NQ-HĐQT	21/5/2019	Thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
08/NQ-HĐQT	23/5/2019	Thông qua các nội dung, tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
09/NQ-HĐQT	31/5/2019	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10/NQ-HĐQT	7/6/2019	Thông qua việc cấp khoản vay cho các công ty con trong hệ thống

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
11/NQ-HĐQT	7/6/2019	Thông qua việc triển khai phương án chào bán riêng lẻ cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản
12/NQ-HĐQT	18/6/2019	Thông qua ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty
13/NQ-HĐQT	18/7/2019	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/NQ-HĐQT	2/8/2019	Thông qua phương án phát hành cổ phần phổ thông khi phát sinh việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi
15/NQ-HĐQT	4/8/2019	Thông qua việc thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019
16/NQ-HĐQT	22/8/2019	Thông qua việc không hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại CTCP Nafoods Group
17/NQ-HĐQT	22/8/2019	Thông qua việc Công ty ký kết và thực hiện Thư thỏa thuận liên quan đến Hợp đồng Đặt mua cổ phần ký ngày 27/6/2019 giữa Công ty và International Finance Corporation
18/NQ-HĐQT	22/8/2019	Thông qua các nội dung, tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19/NQ-HĐQT	30/9/2019	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
20/NQ-HĐQT	30/12/2019	Thông qua việc góp vốn thành lập công ty con



Ban Kiểm soát

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	7.282	0,02%
2	Ông Hồ Quốc Công	TV BKS	6.641	0,01%
3	Ông Hồ Minh Tuấn	TV BKS	1.214	0,00%

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện 3 phiên họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, ... để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	3/3	100%	-
2	Ông Hồ Quốc Công	TV BKS	3/3	100%	-
3	Ông Hồ Minh Tuấn	TV BKS	3/3	100%	-

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BTGD VÀ CỔ ĐÔNG

- Kiểm soát công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết HĐQT. Đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT.
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính

trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.
- Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS, HĐQT VÀ BTGD TRONG NĂM

- Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao cho, BKS luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với HĐQT, Ban điều hành trong việc xây dựng các quy chế, Nghị quyết, Quyết định. Trưởng ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban tổng Giám đốc và các Công ty trong hệ thống Nafoods Group.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Nhìn chung, trong năm 2019 HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều biện pháp tích cực, chỉ đạo sâu sát trong công tác điều hành, đưa ra định hướng chiến lược rõ ràng, triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong các cuộc Họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường, cũng như các cuộc họp của HĐQT. Các đơn vị trực thuộc, Phòng/ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.
- Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 theo chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao.



Ban Kiểm soát



KIẾN NGHỊ CỦA BKS

Để Công ty CP Nafoods Group hoàn thành các chỉ tiêu năm 2020, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ, nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, trực thuộc HĐQT, đánh giá độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đã hiệu quả hay chưa, và để đáp ứng quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý và điều hành, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho Công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.
- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2020

Trong năm 2020 Ban kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.





Thù lao Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (VNĐ/ tháng)	Số tháng	Tổng cộng
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	12	72.000.000
2	Phan Thị Minh Châu	Phủ tịch HĐQT	5.000.000	4	20.000.000
3	Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	4.000.000	12	48.000.000
4	Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	4.000.000	12	48.000.000
5	Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	4.000.000	12	48.000.000
6	Johan De Geer	Thành viên HĐQT	4.000.000	12	48.000.000
7	Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	4.000.000	8	32.000.000
8	Ryan Walter Galloway	Thành viên HĐQT	4.000.000	8	32.000.000
9	Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
Tổng cộng					372.000.000

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (VNĐ/ tháng)	Số tháng	Tổng cộng
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	3.000.000	12	36.000.000
2	Ông Hồ Quốc Công	TV BKS	2.000.000	12	24.000.000
3	Ông Hồ Minh Tuấn	TV BKS	2.000.000	12	24.000.000
Tổng cộng					84.000.000

LƯƠNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Năm 2018	Năm 2019
1	Tất cả thành viên Ban Tổng giám đốc	3.648.171.888	4.564.065.787

Các giao dịch, hợp đồng của cổ đông nội bộ và người liên quan

Người thực hiện	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Ryan Walter Galloway	TV HĐQT/ Phó TGĐ kinh doanh	32.255	0,09	33.435	0,09	Mua đầu tư
		33.435	0,09	35.635	0,1	Mua đầu tư
		40.980	0,09	25.980	0,06	Nhu cầu tài chính cá nhân
Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc	8.827.500	24,32	11.894.766	27,31	Tăng tỷ lệ sở hữu
		11.894.766	27,31	12.275.625	28,18	Tăng tỷ lệ sở hữu
		12.275.625	27,62	22.829.323	51,37	Tăng tỷ lệ sở hữu
Endurance Captial Vietnam I Ltd	Tổ chức liên quan đến TV HĐQT (Johan De Geer)	2.196.868	5,04	3.077.317	5,42	Mua cổ phần chào bán riêng lẻ
Hồ Minh Tuấn	TV BKS	3.984	0,01	1.214	0,00	Nhu cầu tài chính cá nhân
Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	13.282	0,03	7.282	0,02	Nhu cầu tài chính cá nhân

Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan: được công bố trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của công ty.



Tăng cường quản trị công ty

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn tạo điều kiện và cử người tham gia các buổi đào tạo về quản trị công ty để nâng cao năng lực quản trị và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Cụ thể, các khoá đào tạo, tập huấn về quản trị công ty mà Chuyên viên quan hệ cổ đông, thư ký công ty... đã tham dự như sau:

- Tập huấn về thời điểm Quản trị công ty và các vấn đề thông tin trên Báo cáo thường niên do Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức ngày 28/2/2019.
- Cập nhật Quy định về Kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm tổ chức chức năng kiểm toán nội bộ hiệu quả tại công ty niêm yết, do Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức ngày 15/3/2019.



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Năm 2019, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty niêm yết. Bao gồm:

- Công bố thông tin: Năm 2019, Công ty tuân thủ tuyệt đối các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK TP.HCM cũng như trên website Công ty. Cũng trong năm 2019, Công ty hướng tới nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên cả về mặt nội dung cũng như hình thức báo cáo nhằm truyền tải tốt hơn thông tin đến các cổ đông cũng như cộng đồng nhà đầu tư.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (02 lần) của Công ty được tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nghiên cứu áp dụng thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để nâng cao mức độ tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với doanh nghiệp niêm yết và đáp ứng các thông lệ quản trị tốt của khu vực và quốc tế, đảm bảo quyền lợi cổ đông và minh bạch hơn trong mắt cổ đông, nhà đầu tư.

QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Hệ thống phần mềm kế toán Fast' giúp cho đội ngũ quản lý nắm một cách hệ thống hơn đồng thời giúp cho các vị trí nhân sự kế toán mới của công ty tiếp cận nắm bắt hệ thống quản lý tài chính của công ty. Ban lãnh đạo Nafoods Group đã tiếp cận nắm bắt, hiểu rõ về hệ thống; vận hành các công cụ quản lý một cách thuần thục; chủ động tiếp nhận những cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.

QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Để quản trị nhân sự hiệu quả, Công ty hiện đang sử dụng phần mềm chấm công, phần mềm BHXH và phát triển phần mềm Namis. Việc tận dụng tối đa lợi ích từ các ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác quản trị đã giúp Nafoods Group kiểm soát hiệu quả chất lượng, thời gian làm việc cũng như các trách nhiệm đối với người lao động.

- Phần mềm chấm công: Đạt hiệu quả triệt để về quản lý công.
- Phần mềm BHXH: Được tận dụng tốt.
- Phần mềm namis: Đang xây dựng và hoàn thiện hệ thống.

QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Từ cuối năm 2019, Nafoods Group đã tiến hành sử dụng phần mềm quản trị Namis; đồng thời Quản lý khách hàng qua các nhóm zalo/mail/các mạng xã hội. Để chăm sóc, tiệm cận khách hàng, tạo mối quan hệ tốt đẹp giữa các bên, quản lý được thông tin của khách hàng và nắm bắt được tình hình, nhu cầu khách hàng để đưa ra quyết định có lợi.

QUẢN TRỊ QUAN HỆ CHẤT LƯỢNG

Quản lý hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và tiêu chuẩn BRC giúp Công ty kiểm soát hiệu quả công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính.

Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và BRC tạo uy tín của Công ty và góp phần cho việc hợp tác lâu dài giữa Công ty và khách hàng cũng như các tổ chức liên quan đến sản xuất, chế biến, vận chuyển, bao gói, lưu kho, cung cấp thiết bị & dịch vụ... thực phẩm nhằm hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm về việc thống nhất hóa các chuẩn mực quốc tế về an toàn thực phẩm.

Hệ thống tài liệu, hồ sơ được sắp xếp và kiểm soát chặt chẽ giúp việc sử dụng thuận tiện và nhanh chóng, khắc phục những thiếu sót trong quá trình giải quyết công việc.



Quản trị rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Tăng trưởng kinh tế:** Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Những biến động trong kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Nafoods Group.
- **Lạm phát:** Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng.
- **Lãi suất:** Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vì vậy những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

RỦI RO CHUỖI CUNG ỨNG

Là rủi ro phát sinh khi nguồn cung cấp nguyên liệu không có sẵn và/hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm.

RỦI RO VẬN HÀNH CHUỖI GIÁ TRỊ

Kết quả không tốt tại một khâu nào đó trong chuỗi giá trị sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.

GIẢI PHÁP

Tuy nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn trong và ngoài nước trong năm 2019 nhưng kinh tế vĩ mô những năm qua tương đối tốt: Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra; lạm phát được kiểm soát ở mức cho phép; lãi suất ngân hàng duy trì ở mức ổn định. Đây là những điều kiện thuận lợi để Công ty tận dụng và phát triển.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thương xuyên thay đổi.

Để hạn chế những tác động này, Nafoods Group đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.

Nafoods Group chủ động xây dựng vùng nguyên liệu cũng như kết hợp với bà con nông dân trong việc bao tiêu nông sản để hạn chế rủi ro này.

Nafoods Group thực hiện chuỗi giá trị từ việc lựa chọn giống, chăn nuôi, trồng trọt, đến sản xuất và xuất khẩu. Mô hình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ của toàn hệ thống. Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của các khâu, quy trình vận hành và đưa ra phương thức quản trị tốt nhằm giảm thiểu rủi ro này.

Nafoods Group giảm thiểu thời gian vận chuyển từ vùng nguyên liệu tới nhà máy chế biến để hạn chế rủi ro này.

Bên cạnh đó, quá trình bảo quản và vận chuyển sản phẩm cũng được kiểm tra kỹ lưỡng và chặt chẽ.

Thời tiết hiện nay bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu và thay đổi khó lường trước. Công ty đã thực hiện những biện pháp trồng trọt và bảo quản nhằm giảm ảnh hưởng của rủi ro thời tiết.

Đồng USD được giữ ổn định trong năm 2019 và có xu hướng tăng giá do điều kiện vĩ mô bất lợi trở thành lợi thế cho Nafoods Group do Công ty xuất khẩu và thu doanh thu bằng USD.

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng cùng với quá trình toàn cầu hóa.

Các giải pháp giảm thiểu rủi ro đã được triển khai như phát triển sản phẩm thuộc thị trường ngách, độc quyền duy nhất trên thị trường, giá cả hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Người tiêu dùng hiện đại có xu hướng bị ảnh hưởng bởi thông tin đại chúng, mạng xã hội. Giải pháp của Nafoods Group: nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng chu đáo, giải quyết thắc mắc của khách hàng kịp thời; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

Sản phẩm của Nafoods Group được kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như BRC, ISO 22000:2500, HACCP, SGF và ngoài ra còn có kiểm soát chất lượng nội bộ của Nafoods Group. Rủi ro này đang được kiểm soát hiệu quả.

RỦI RO TRONG VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN THÀNH PHẨM

Quá trình vận chuyển gặp trục trặc dẫn đến chất lượng sản phẩm không được đảm bảo khi tới tay khách hàng.

RỦI RO THỜI TIẾT

Là rủi ro phát sinh khi các tác động xấu của thời tiết ảnh hưởng xấu đến nguồn nguyên liệu trực tiếp và gián tiếp của Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Tỷ giá thay đổi ảnh hưởng đến dư nợ vay USD và giá bán bằng USD của các sản phẩm xuất khẩu.

RỦI RO CẠNH TRANH

Cạnh tranh của các thương hiệu khác tại Việt Nam và quốc tế.

RỦI RO TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

Ảnh hưởng của dư luận, xã hội tác động không tốt đến hình ảnh của Nafoods Group.

RỦI RO CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm trong quá trình sản xuất gặp vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng.



Báo cáo PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với sản phẩm
Phát triển nguồn nhân lực
Bảo vệ môi trường
Hỗ trợ phát triển cộng đồng
Phát triển kinh tế địa phương



Trách nhiệm với sản phẩm

NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM AN TOÀN

Đặt an toàn thực phẩm làm nguyên tắc hàng đầu, Nafoods Group cam kết mỗi sản phẩm của Nafoods Group đều là kết quả của một chu trình khép kín đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiêm ngặt.

Chiến lược phát triển sản phẩm của Nafoods Group từ trước tới nay vẫn luôn hướng đến sự an toàn và lợi ích sức khỏe của khách hàng. Vì thế chúng tôi vô cùng cẩn trọng trong từng giai đoạn: từ lựa chọn nguồn nguyên liệu đến thiết kế kiểu dáng bao bì sản phẩm nhằm đảm bảo sự an toàn tối đa cho người sử dụng. Ngoài ra, chúng tôi tuyệt đối không sử dụng những thành phần có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho tất cả sản phẩm của Nafoods Group hiện tại và tương lai.



CHUỖI GIÁ TRỊ KHÉP KÍN

Nafoods Group đã hình thành được chuỗi giá trị sản phẩm khép kín từ sản xuất giống, trồng trọt, chế biến và vận chuyển đến tận tay khách hàng. Quy trình vô cùng nghiêm ngặt nhằm đảm bảo sản phẩm thực sự an toàn.

THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Để đảm bảo chất lượng tuyệt vời của sản phẩm, Nafoods Group không ngừng nghiên cứu, đầu tư cho các thiết bị và công nghệ hiện đại và tự hào rằng chúng tôi đang sở hữu những dây chuyền sản xuất tiên tiến hàng đầu trên thế giới.

QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Nafoods Group luôn coi trọng các công tác quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Chúng tôi áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế như Global Gap, BRC, ISO,... để kiểm soát chặt chẽ và toàn diện tất cả các công đoạn từ trước, trong, và sau sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm Nafoods luôn là an toàn.

THÔNG TIN TRUNG THỰC, ĐẦY ĐỦ CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Nafoods Group cam kết cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin về sản phẩm như quy trình trồng trọt, thu hoạch, chế biến, bảo quản để giúp khách hàng lựa chọn và sử dụng sản phẩm của Nafoods Group một cách tối ưu và hài lòng.





Phát triển nguồn nhân lực

Nafoods Group đã và đang từng ngày hoàn thiện và xây dựng một văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, khởi tạo một nền tảng vững chắc, văn minh, cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi cho người lao động trong công ty.

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC AN TOÀN VÀ ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

Nhu cầu được làm việc trong điều kiện an toàn và được chăm lo về sức khỏe của người lao động là chính đáng, Nafoods Group cam kết:

- Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.
- Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn thường niên cho người lao động.
- Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy mỗi năm một lần.
- Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe. Ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật, người lao động còn được cung cấp những gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn.

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ LAO ĐỘNG ĐA DẠNG, TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT VÀ KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Chúng tôi muốn xây dựng một môi trường làm việc văn hoá, văn minh cho tất cả mọi thành viên của công ty. Để làm được điều đó, chúng tôi luôn đối xử với các nhân viên của mình và khuyến khích tất cả mọi người trong Nafoods Group đối xử với nhau trên nguyên tắc “tôn trọng, bình đẳng, không phân biệt giới tính, vùng miền, tôn giáo”.



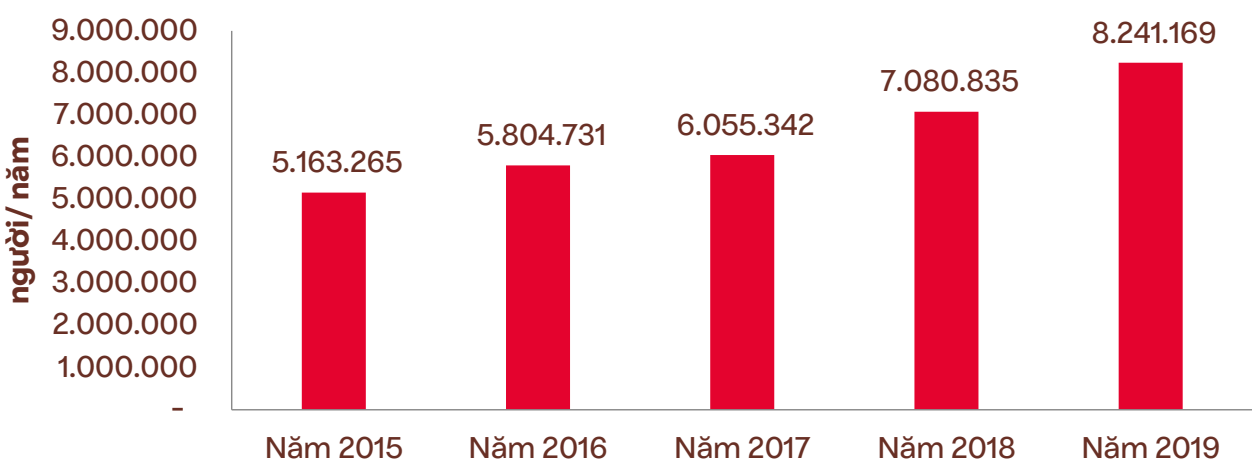


Phát triển nguồn nhân lực

GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG CỦA NHÂN VIÊN ĐƯỢC CHI NHẬN VÀ BÙ ĐÁP THỎA ĐÁNG

Luôn ghi nhận và trân trọng sự nỗ lực cùng với các giá trị lao động của tất cả các nhân viên trong hành trình lớn mạnh và trong từng thành công của Nafoods Group, chúng tôi muốn từng thành viên của công ty nhận được những gì họ xứng đáng. Tại Nafoods Group chúng tôi có các chính sách về tiền lương rõ ràng và công bằng để đảm bảo từng thành viên của Nafoods Group sẽ có một mức thu nhập tốt và thoả đáng với công sức và tâm huyết của họ.

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2015 - 2019



NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN LỢI MÀ PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH

Quan hệ giữa Nafoods Group và người lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nafoods Group cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi của người lao động thuộc công ty:

- Mọi quyền lợi của người lao động theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.
- Nafoods Group tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.
- Thỏa ước lao động tập thể được áp dụng cho toàn bộ nhân viên.
- Công đoàn là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.



Phát triển nguồn nhân lực

PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Tại Nafoods Group, chúng tôi nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nhân viên trong vấn đề xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và tích cực. Vì thế, Nafoods Group dành một phần ngân sách không nhỏ cho các hoạt động đào tạo nhân viên thường niên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài. Chúng tôi mong muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho nhân viên của mình nâng cao kiến thức, phát triển bản thân đồng thời đóng góp cho sự phát triển công ty và cộng đồng.

NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÁC ĐỐI TÁC TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Trong quan điểm về người lao động của Nafoods Group, chúng tôi không những chỉ quan tâm tới những nhân lực trực thuộc công ty mà còn quan tâm đến lực lượng lao động gián tiếp làm việc trong chuỗi cung ứng của mình.

Đối với nhà cung cấp dịch vụ lao động, chúng tôi yêu cầu:

- Phải ký kết hợp đồng lao động với những người lao động sẽ tham gia vào công việc của Nafoods Group.
- Đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức hoạt động công đoàn và các chế độ khác theo quy định của pháp luật cho người lao động.
- Có chế độ bảo hiểm tai nạn cho người lao động 24/24.
- Tất cả các yêu cầu này đều được cam kết trong hợp đồng giữa Nafoods Group và nhà cung cấp dịch vụ lao động. Chúng tôi cũng chấp nhận việc tính các chi phí phát sinh vào phí dịch vụ của mình.

HOẠT ĐỘNG DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

QUỐC TẾ THIẾU NHI 1-6 CỦA CON EM CBCNV



Chiều ngày 1 tháng 6 năm 2019 Công ty cổ phần Nafoods Group đã tổ chức chương trình giao lưu nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi cho các cháu con em CBCNV đang làm việc tại Nafoods. Với mục đích tạo ra sân chơi an toàn, ý nghĩa cho các cháu và gắn kết tình cảm giữa các gia đình trong hệ thống, Ban lãnh đạo công ty và Ban chấp hành công đoàn đã thống nhất tổ chức chương trình giao lưu, vui chơi và tặng quà động viên tinh thần các em nhỏ sau một năm học miệt mài, căng thẳng.

HỘI THAO CHÀO MỪNG 19 NĂM THÀNH LẬP NHÀ MÁY CHẾ BIẾN RAU QUẢ XUẤT KHẨU NAPROD



TỔ CHỨC TẾT TRUNG THU CHO CÁC CHÁU CON CBCNV





Bảo vệ môi trường

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGUỒN NĂNG LƯỢNG

Nhận biết rằng sử dụng năng lượng một cách hiệu quả là một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong thời gian vừa qua cũng như trong tương lai, Nafoods Group cũng đang trên hành trình đạt đến mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng bằng các biện pháp bao gồm:

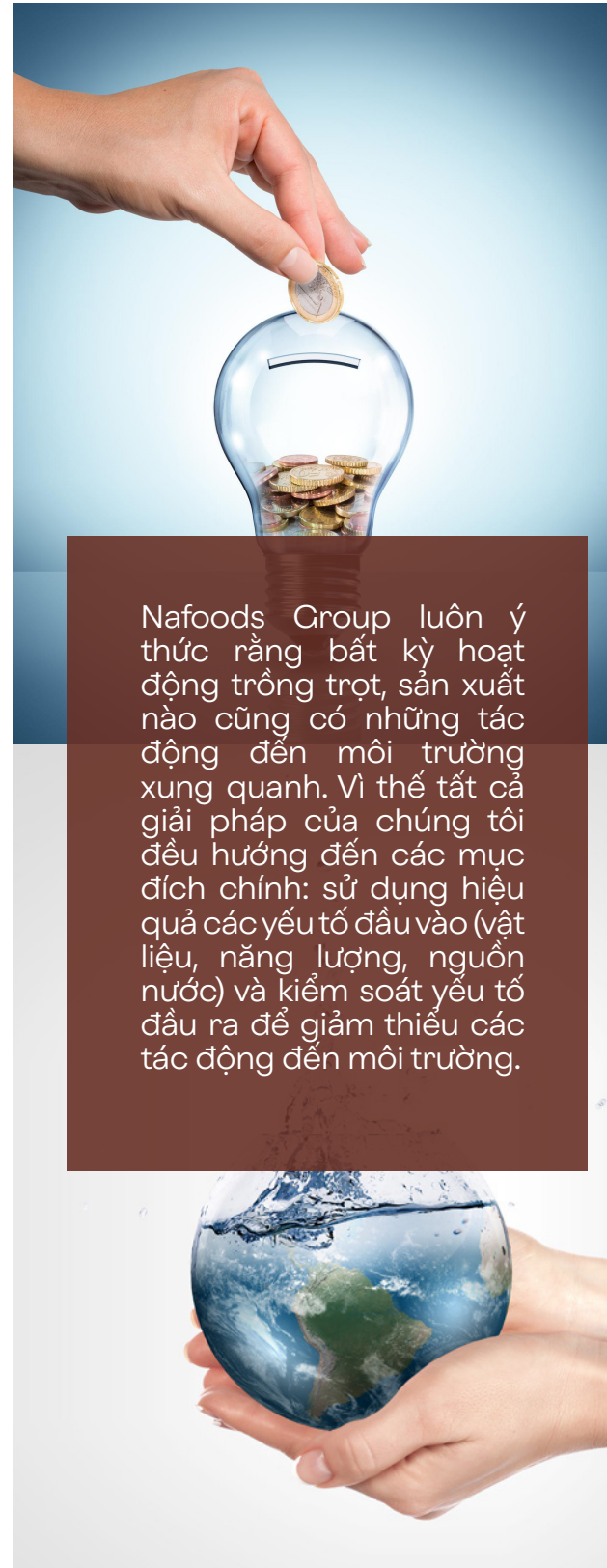
- Nâng cao chất lượng quản lý.
- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo.
- Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng thay cho các thiết bị cũ.

SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC HIỆU QUẢ VÀ TIẾT KIỆM

Nước là một tài nguyên quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất của Nafoods Group. Ý thức được sự quan trọng của tài nguyên này đối với cuộc sống con người trong bối cảnh nguồn nước ngầm đang cạn kiệt và ô nhiễm, Nafoods Group cam kết sẽ sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất bằng các biện pháp tiết kiệm và tái sử dụng.

KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ TỐT PHÁT THẢI

Với mục tiêu là giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, Nafoods Group đặt vấn đề về phát thải ngay từ những giai đoạn đầu tiên trong các quy trình quy hoạch xây dựng và cố gắng quản lý chặt chẽ nhất có thể về vấn đề này trong suốt quá trình hoạt động của mình. Chúng tôi tự hào rằng Nafoods Group đang vận hành cơ chế quản lý, kiểm soát và xử lý chất thải đảm bảo an toàn với môi trường tuân theo các tiêu chuẩn tiên tiến trong tất cả các hoạt động của Nafoods Group và sẽ tiếp tục cải tiến hơn trong tương lai.



Nafoods Group luôn ý thức rằng bất kỳ hoạt động trồng trọt, sản xuất nào cũng có những tác động đến môi trường xung quanh. Vì thế tất cả giải pháp của chúng tôi đều hướng đến các mục đích chính: sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào (vật liệu, năng lượng, nguồn nước) và kiểm soát yếu tố đầu ra để giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Hỗ trợ phát triển cộng đồng

Nafoods sẽ nỗ lực hơn nữa để có thể tham gia rộng và sâu hơn các chương trình hỗ trợ cộng đồng và cùng phần đầu xây dựng quê hương Nghệ An ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn.

Nafoods Group luôn xem đây là định hướng chung cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng của mình. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được phát động và tổ chức bởi ban điều hành Nafoods Group luôn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể nhân viên của công ty:

- Hỗ trợ và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại các trại trẻ mồ côi, trẻ em cơ nhỡ tại các trung tâm nhân đạo.
- Hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt.

HÀNH ĐỘNG



HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VỀ NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SỸ

Sáng ngày 26 tháng 7 năm 2019 Đoàn thanh niên Nhà máy chế biến Rau quả xuất khẩu đã tổ chức dâng hương tại Tượng đài liệt sỹ xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Tiếp đó, Đoàn ghé thăm đồng viên, tặng quà mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn cùng việc dâng hoa, thắp hương gần 1000 ngôi mộ tại nghĩa trang liệt sỹ thành phố Vinh.



CHÀO MỪNG 88 NĂM NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM

Kỷ niệm 88 năm ngày Phụ nữ Việt Nam, Nafoods Group đã có nhiều hoạt động và sân chơi thiết thực, bổ ích cho chị em CBCNV đang làm việc tại Công ty. Một trong những điểm sáng của chuỗi hoạt động là cuộc thi nấu ăn tại cụm công đoàn Nhà máy Naprod.



Phát triển kinh tế địa phương

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

- Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật tại những nơi Nafoods Group hoạt động.
- Đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các cơ quan chức năng là chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời.
- Tích cực tham gia vào các chương trình phát động của chính phủ nhằm ổn định và phát triển kinh tế.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật các nước.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Tại các địa phương mà Nafoods Group có hoạt động sản xuất và kinh doanh, Nafoods Group luôn hướng đến việc gắn kết giữa mở rộng quy mô hoạt động với sự phát triển kinh tế của địa phương:

- Đầu tư cơ sở vật chất, góp phần xây dựng các cơ sở hạ tầng tại địa phương.
- Tạo việc làm, đào tạo nghề cho lực lượng lao động của địa phương.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt vào các trang trại của Nafoods Group, góp phần phát triển nền nông nghiệp trồng trọt chất lượng cao của Việt Nam.
- Các hoạt động hỗ trợ nông dân về kỹ thuật, công nghệ trồng trọt.
- Chính sách về thu mua nông sản đảm bảo quyền lợi của người nông dân với những cam kết về số lượng thu mua ổn định và mức giá thu mua cạnh tranh.

HÀNH ĐỘNG CỦA NAFOODS GROUP

HỢP TÁC ĐÀO TẠO NHÂN LỰC VÀ R&D VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ



TỔ CHỨC KHÓA HỌC KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY THANH LONG TẠI BÌNH THUẬN



Nằm trong chuỗi chương trình đào tạo tiêu chuẩn Global GAP cho nông trường và cho hệ thống quản lý chất lượng, Nafoods Group tiếp tục mở thêm khóa học kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thanh long cho hơn 30 hộ dân là chủ các hợp tác xã, vườn trồng thanh long quy mô lớn tại Bình Thuận.



**Báo cáo
TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 ngày 26/8/1995. Ngày 29/6/2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt và vốn điều lệ đăng ký là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/12/2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Hiện Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6/12/2019, vốn điều lệ 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh; trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/4/2019
Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/4/2019
Ông Ryan Walter Galloway	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	
Ông Johan De Geer	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban
Ông Hồ Quốc Công	Thành viên
Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Ryan Walter Galloway	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Diệp Thị Mỹ Hào	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Duy Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Trung Kiên	Phó Giám đốc chuỗi cung ứng	Miễn nhiệm ngày 4/5/2019

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội (Trụ sở: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 02432242403; Fax: 02432242402; Website: www.aac.com.vn; Email: aac.hn@aac.com.vn).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 6 tháng 4 năm 2020

Số: /2020/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nafodds Group

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafodds Group (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 6/4/2020, từ trang 07 đến trang 48 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nafodds Group chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nafoods Group tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Minh Long
Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2018-010-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC - CHI NHÁNH HÀ NỘI
Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2020



Mai Bình Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT <i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		819.549.786.682	595.148.833.705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.898.544.471	6.121.936.587
1. Tiền	111		8.898.544.471	6.121.936.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		624.919.562.833	485.770.427.794
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	397.494.364.978	272.726.210.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	61.331.220.993	42.367.260.093
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	31.977.559.277	59.784.284.244
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	141.959.634.069	118.472.241.600
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.891.201.555)	(7.627.554.040)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		47.985.071	47.985.071
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	147.381.405.826	83.060.549.856
1. Hàng tồn kho	141		147.381.405.826	83.060.549.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.350.273.552	20.195.919.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	1.017.617.197	1.224.189.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.332.656.355	18.956.744.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	14.985.777
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		451.982.791.601	460.618.711.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.400.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.400.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		359.185.647.692	379.238.212.340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	292.058.968.238	310.648.236.834
- Nguyên giá	222		334.097.698.613	331.684.379.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.038.730.375)	(21.036.142.784)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	67.126.679.454	68.589.975.506
- Nguyên giá	228		69.758.553.417	69.703.453.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.631.873.963)	(1.113.477.999)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.978.633.293	4.219.409.118
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	17.978.633.293	4.219.409.118
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	48.069.890.140	58.236.388.626
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		43.513.017.217	57.328.729.373
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.100.000.000	4.100.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.543.127.077)	(3.192.340.747)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.348.620.476	18.924.701.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	24.494.955.203	18.924.701.825
2. Lợi thế thương mại	269		853.665.273	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.271.532.578.283	1.055.767.545.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		589.544.680.201	559.941.583.931
I. Nợ ngắn hạn	310		464.564.863.005	351.292.235.313
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	83.442.500.682	127.153.431.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	12.991.080.533	4.195.324.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.433.443.453	8.851.438.809
4. Phải trả người lao động	314		3.845.173.669	4.952.870.611
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.674.348.667	68.181.818
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.223.412.696	7.760.424.732
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	340.925.309.968	189.768.599.132
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.029.593.337	8.541.964.137
II. Nợ dài hạn	330		124.979.817.196	208.649.348.618
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	5.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	117.985.028.271	199.101.430.898
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.994.788.925	4.547.917.720
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		681.987.898.082	495.825.961.683
I. Vốn chủ sở hữu	410	V20	681.987.898.082	495.825.961.683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		567.988.450.000	362.997.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		444.399.120.000	362.997.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		123.589.330.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		64.473.871.307	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.274.944.365	21.437.607.151
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.684.859.633	90.938.393.396
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(27.085.971.114)	63.840.061.869
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.770.830.747	27.098.331.527
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		566.392.777	20.452.761.136
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.271.532.578.283	1.055.767.545.614



Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 6 tháng 4 năm 2020



Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Loan
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.069.744.494.939	607.550.117.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.804.010.311	7.326.082.938
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.041.940.484.628	600.224.034.782
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	808.889.406.077	460.401.191.112
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		233.051.078.551	139.822.843.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.414.699.364	8.847.758.362
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.202.885.069	20.759.143.495
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.981.881.757	17.224.616.261
8. Lãi, lỗ trong công ty liên kết	24		1.212.310.523	(195.565.645)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	110.441.084.205	46.660.597.745
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	37.433.515.112	32.878.650.713
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.600.604.052	48.176.644.434
12. Thu nhập khác	31		1.021.554.819	48.232.115
13. Chi phí khác	32		1.199.249.498	2.923.826.447
14. Lợi nhuận khác	40		(177.694.679)	(2.875.594.332)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.422.909.373	45.301.050.102
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.981.241.755	3.434.661.695
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	2.523.054.330	1.431.892.493
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		47.918.613.288	40.434.495.914
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		47.880.755.822	27.098.331.527
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.857.466	13.336.164.387
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	623	710
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	623	710



Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 6 tháng 4 năm 2020



Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Loan
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Theo phương pháp gián tiếp			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019			
Đơn vị tính: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.422.909.373	45.301.050.102
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	22.520.983.555	16.450.650.224
- Các khoản dự phòng	03	614.433.845	92.340.747
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(599.540.475)	38.002
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.418.271.108)	(5.511.446.899)
- Chi phí lãi vay	06	31.981.881.757	17.224.616.261
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	103.522.396.947	73.557.248.437
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(242.683.931.920)	(47.239.658.116)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(64.320.855.970)	(29.996.679.769)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(39.014.088.501)	95.553.665.781
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.363.680.924)	(338.664.522)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(4.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.584.593.696)	(17.224.616.261)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.179.743.770)	(11.349.106.630)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.788.665.426)	(1.587.971.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(289.413.163.260)	61.374.217.545
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.172.543.170)	(183.687.760.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.799.834.490)	(45.633.676.184)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.164.688.289	101.031.483.805
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000.000)	(9.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	826.875.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.333.591.463	6.804.648.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.474.097.908)	(129.758.429.216)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)			
Theo phương pháp gián tiếp			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019			
Đơn vị tính: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	196.867.691.307	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại chi phí của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(620.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	955.191.603.616	585.049.473.995
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(830.453.038.644)	(483.265.292.905)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(928.799.733)	(30.488.011.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	320.677.456.546	71.295.549.213
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.790.195.378	2.911.337.542
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.121.936.587	3.210.637.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(13.587.494)	(38.002)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.898.544.471	6.121.936.587
 Nguyễn Mạnh Hùng Tổng Giám đốc Nghệ An, ngày 6 tháng 4 năm 2020  Nguyễn Thị Trang Kế toán trưởng  Đặng Thị Loan Người lập			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 ngày 26/8/1995. Ngày 29/6/2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt và vốn điều lệ đăng ký là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/12/2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Hiện Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6/12/2019, vốn điều lệ 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần..

Cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, thông tin như sau:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Nafoods Group;
 - Mã chứng khoán: NAF;
 - Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
 - Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông; Cổ phiếu Ưu đãi
 - Số lượng cổ phiếu đăng ký: 56.798.783 cổ phiếu (*Năm mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi ba cổ phiếu*);
 - + Cổ phiếu phổ thông: 44.439.912 cổ phiếu (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm mười hai cổ phiếu*);
 - + Cổ phiếu Ưu đãi: 12.358.933 cổ phiếu (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn chín trăm ba mươi ba cổ phiếu*);
 - Giá trị cổ phiếu đăng ký: 567.987.830.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*);
- (Số lượng và giá trị cổ phiếu niêm yết nhỏ hơn số cổ phiếu và giá trị cổ phiếu trên đăng ký kinh doanh do Công ty đã mua lại 62 cổ phiếu tương đương giá trị 620.000 đồng làm cổ phiếu quỹ)
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ.

Số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty tại ngày 31/12/2019 là 531 người, tại ngày 31/12/2018 là 351 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất; kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Chăn nuôi khác. Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh siêu thị;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Mua bán giống cây trồng vật nuôi, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Sản xuất phân bón và hợp chất nito;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn thực phẩm
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học;
- Bán buôn đồ uống. Ngoại trừ kinh doanh rượu, đồ uống có cồn;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và hoàn toàn có thể so sánh được.

5. Công ty con và Công ty liên kết

Các Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

STT	Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại 31/12/2019
1	Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	170.000.000.000	99,8%
2	Công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	60.000.000.000	100%
3	Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	60.000.000.000	99,8%
4	Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên	834 Lê Duẩn, Xã Chư Á, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	85.860.200.000	99,86%

Các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

STT	Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại 31/12/2019
1	Công ty Cổ phần Dược Liệu Quế Phong	Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	40.000.000.000	30%
2	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp La Giang	Tổ dân phố 6, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	40.000.000.000	30%
3	Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	50.000.000.000	35%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính Hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nafoods Group được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (Công ty con) - sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

2. Công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty này. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các Công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỷ lệ tương ứng với lợi ích mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ nào thêm khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn, các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, thường đi kèm với tỷ lệ sở hữu từ 20% đến 50% của quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Tập đoàn vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên kết nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải được

hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư.

Việc thay đổi quyền sở hữu trong công ty liên kết dẫn đến việc mất đi quyền ảnh hưởng đáng kể được coi là một giao dịch thanh lý đầu tư vào công ty liên kết. Phần sở hữu còn lại của khoản đầu tư này được hạch toán theo giá gốc tại ngày mất đi quyền ảnh hưởng.

Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

5. Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con nhỏ hơn phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

IV. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là đồng VNĐ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tồn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân.

7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 40
Máy móc thiết bị	5 -15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
TSCĐ khác	13 - 16

8. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình mua sắm, đầu tư xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các khoản trả trước chi phí cho nhiều kỳ kế toán và giá trị còn lại công cụ, dụng cụ bao gồm các loại công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 1 - 4 năm.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua.

Tài sản là lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 10 năm. Lợi thế thương mại âm (phát sinh khi phần sở hữu của Công ty trên giá trị hợp lý của tài sản thuần vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh) được ghi nhận trực tiếp như một khoản lãi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày mua.

Lãi lỗ thanh lý công ty con bao gồm cả phần xóa sổ lợi thế thương mại còn lại tại ngày bán.

12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Lãi vay ngân hàng được ghi nhận theo thông báo tiền lãi vay của Ngân hàng trên cơ sở số dư các khoản tiền vay và lãi suất áp dụng cho từng khoản vay của các ngân hàng.

13. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty liên doanh, liên kết mà Công ty tham gia góp vốn; lãi từ các khoản cho vay; lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Nafoods Group và hai công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods và Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế từ thực hiện dự án đầu tư sản xuất giống chanh leo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2014 - 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo (2018 - 2026).

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới ghi thẳng vào nguồn vốn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty liên kết

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	5.745.726.938	4.002.455.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.152.817.533	2.119.481.526
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	5.000.000.000	-
Cộng	13.898.544.471	6.121.936.587

⁽¹⁾ Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh thời hạn từ 5/12/2019 đến 5/01/2020 với lãi suất 4,5%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

^(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với thời hạn từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2020 với lãi suất 6,4%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	397.494.364.978	272.726.210.826
LLC NEGOCIA	30.363.302.538	9.557.394.124
LLC GAS VENTURE	44.987.123.467	6.102.305.748
FLAGFOOD AG	49.603.617.141	63.435.204.423
HIWA ROTTERDAM PORT COLD STORES	50.842.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	221.698.321.832	193.631.306.531
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	19.800.000	20.546.530.613
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	19.800.000	5.692.393.710
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	-	14.854.136.903

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	61.331.220.993	42.367.260.093
Công ty Cổ Phần SXTM Xuất Nhập khẩu Sơn Thành	2.977.618.785	-
Công ty Cổ phần đầu tư Long Huệ	4.962.515.200	-
Công ty TNHH Bảo Long Đức Trọng	-	3.774.244.534
Công ty Cổ phần Dược Liệu Quế Phong	-	5.648.524.236
Các đối tượng khác	53.391.087.008	32.944.491.323
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	6.827.705.761
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An	-	1.179.181.525
Công ty Cổ phần Dược Liệu Quế Phong	-	5.648.524.236

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngắn hạn	31.977.559.277	59.784.284.244
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	586.720.263	530.720.263
Công ty CP Đầu Tư LMC	3.414.838.739	518.148.935
Công ty Cổ phần Nông nghiệp La Giang	86.836.404	86.836.404
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	9.426.163.871	23.405.649.953
Công ty Cổ phần Gấc Tân Thắng	1.463.000.000	-
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	-	35.190.238.885
Các đối tượng khác	17.000.000.000	52.689.804
b. Dài hạn	1.400.000.000	-
Hoàng Văn Thành	1.400.000.000	-
c. Phải thu cho vay bên liên quan	10.099.720.538	59.213.445.505
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	-	35.190.238.885
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	9.426.163.871	23.405.649.953
Công ty CP Nông nghiệp La Giang	86.836.404	86.836.404
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	586.720.263	530.720.263

6. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
a. Ngắn hạn	141.959.634.069	813.453.748	118.472.241.600	813.453.748
Phải thu về lãi trả chậm	813.453.748	813.453.748	813.453.748	813.453.748
Ứng trước tiền mua cổ phần	-	-	68.463.280.000	-
Phải thu khác	27.036.774.358	-	30.969.570.037	-
Tạm ứng	113.489.178.371	-	18.170.937.815	-
Ký quỹ, ký cược	620.227.592	-	55.000.000	-
b. Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan	3.193.877.978	-	28.512.144.541	-
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	3.047.096.597	-	3.691.565.240	-
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	122.962.890	-	78.611.035	-
Công ty CP Dược Liệu Quế Phong	2.000.000	-	500.000	-
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	21.818.491	-	15.215.307	-
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	-	-	24.726.252.959	-

7. Nợ xấu

		31/12/2019		01/01/2019
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Phải thu khách hàng	7.313.420.344	235.672.537	7.313.420.344	499.320.052
+ Công ty Cổ phần Tân Tân	4.176.437.050	-	4.176.437.050	-
+ Công ty Cổ phần bánh kẹo ANCO	300.000.000	-	300.000.000	-
+ Công ty TNHH Màu xanh Đổi Mới	1.260.000.000	-	1.260.000.000	-
+ Khách lẻ mua Cây giống	1.576.983.294	235.672.537	1.576.983.294	499.320.052
- Phải thu khác	813.453.748	-	813.453.748	-
+ Công ty Cổ phần Tân Tân	347.873.081	-	347.873.081	-
+ Công ty Cổ phần bánh kẹo ANCO	65.041.667	-	65.041.667	-
+ Công ty TNHH Màu xanh Đổi Mới	400.539.000	-	400.539.000	-
Cộng	8.126.874.092	235.672.537	8.126.874.092	499.320.052

8.	Hàng tồn kho		31/12/2019		01/01/2019
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	17.187.504.603		26.485.195.196	
	Công cụ, dụng cụ	7.687.662.959		2.094.471.348	
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.119.824.236		25.267.005.070	
	Thành phẩm	59.738.710.585		18.419.714.602	
	Hàng hóa	8.696.203.443		10.794.163.640	
	Hàng gửi bán	7.951.500.000		-	
	Cộng	147.381.405.826	-	83.060.549.856	-

Đơn vị tính: VND					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	136.746.807.610	186.636.126.398	6.712.251.700	1.589.193.910	331.684.379.618
Số tăng trong kỳ	267.925.915	1.753.877.489	1.053.796	470.169.427	2.493.026.627
Mua trong năm	-	1.315.265.000	-	-	1.315.265.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	267.925.915	363.279.517	1.053.796	465.794.767	1.098.053.995
Phân loại	-	75.332.972	-	4.374.660	79.707.632
Số giảm trong kỳ	79.707.632	-	-	-	79.707.632
Phân loại	79.707.632	-	-	-	79.707.632
Số dư cuối kỳ	136.935.025.893	188.390.003.887	6.713.305.496	2.059.363.337	334.097.698.613
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.366.779.334	8.364.335.932	2.111.901.472	193.126.046	21.036.142.784
Số tăng trong kỳ	7.169.761.772	12.872.017.084	748.493.760	212.314.975	21.002.587.591
Khấu hao trong kỳ	7.169.761.772	12.872.017.084	748.493.760	212.314.975	21.002.587.591
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.536.541.106	21.236.353.016	2.860.395.232	405.441.021	42.038.730.375
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	126.380.028.276	178.271.790.466	4.600.350.228	1.396.067.864	310.648.236.834
Tại ngày cuối kỳ	119.398.484.787	167.153.650.871	3.852.910.264	1.653.922.316	292.058.968.238

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2019: 568.992.917 đồng
Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là: 274.867.898.855 đồng

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Bản quyền công nghệ	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	115.000.000	569.500.000	69.018.953.505	69.703.453.505
Tăng trong năm	-	-	55.099.912	55.099.912
<i>Mua trong năm</i>			<i>55.099.912</i>	<i>55.099.912</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	115.000.000	569.500.000	69.074.053.417	69.758.553.417
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	79.325.283	113.900.004	920.252.712	1.113.477.999
Tăng trong năm	23.000.004	113.900.004	1.381.495.956	1.518.395.964
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>23.000.004</i>	<i>113.900.004</i>	<i>1.381.495.956</i>	<i>1.518.395.964</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	102.325.287	227.800.008	2.301.748.668	2.631.873.963
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	35.674.717	455.599.996	68.098.700.793	68.589.975.506
Tại ngày cuối năm	12.674.713	341.699.992	66.772.304.749	67.126.679.454
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là: 66.772.304.749 đồng.				

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Nhà xưởng	213.636.364	213.636.364
Dự án nhà máy bơ lạc	316.070.000	316.070.000
Vườn ươm chanh leo	1.784.812.955	3.689.702.754
Nhà máy tách, phân loại, đóng gói và bảo quản hoa quả tươi xuất khẩu & Xây dựng viện nghiên cứu cây trồng công nghệ cao & khu nông nghiệp công nghệ cao.	13.190.500.814	-
Hệ thống phần mềm Namis	2.473.613.160	-
Cộng	17.978.633.293	4.219.409.118

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty CP Dược Liệu Quế Phong	12.000.000.000	11.994.726.741	12.000.000.000	11.995.616.849
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	12.000.000.000	11.996.451.273	12.000.000.000	11.996.528.431
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	-	-	24.000.000.000	22.028.022.679
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	17.500.000.000	19.521.839.203	10.500.000.000	11.308.561.414
Cộng	41.500.000.000	43.513.017.217	58.500.000.000	57.328.729.373

Đơn vị tính: VND

Giá trị đầu tư vào các Công ty liên kết được ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính.

b. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng	1.000.000.000	443.127.077	1.000.000.000	92.340.747
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000
Cộng	4.100.000.000	3.543.127.077	4.100.000.000	3.192.340.747

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-

13. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngắn hạn	1.017.617.197	1.224.189.651
Chi phí thẩm định tài chính	464.000.000	-
Giá trị còn lại của CCDC chưa phân bổ	491.433.370	587.645.400
Các khoản khác	62.183.827	636.544.251
b. Dài hạn	24.494.955.203	18.924.701.825
Chi phí tư vấn thiết kế	24.242.414	251.882.565
Chi phí khai hoang khảo sát	5.928.604.170	6.110.384.610
Chi phí chuyển giao công nghệ	4.924.525.345	5.045.537.281
Giá trị còn lại của CCDC chưa phân bổ	5.404.268.057	6.231.983.085
Thiết kế hệ thống nhận diện bao bì Nafoods	329.583.333	-
Phí tư vấn luật sư	3.137.405.018	-
Chi phí lưu kho thuê cont lạnh	1.190.752.895	-
Các khoản khác	3.555.573.971	1.284.914.284
Cộng	25.512.572.400	20.148.891.476

14. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	83.442.500.682	83.442.500.682	127.153.431.934	127.153.431.934
Công ty CP Đầu tư và Giao nhận vận tải Toàn Cầu	7.944.908.854	7.944.908.854	3.739.817.555	3.739.817.555
Công ty CP Thực Phẩm Bảo Long	2.268.110.358	2.268.110.358	2.421.818.281	2.421.818.281
Công ty TNHH MTV Kim Quý	7.860.543.195	7.860.543.195	6.165.001.820	6.165.001.820
Nguyễn Văn Trường	1.301.686.749	1.301.686.749	2.640.020.328	2.640.020.328
Công ty CP Gác Tân Thắng	-	-	26.900.899.964	26.900.899.964
Phải trả người bán ngắn hạn khác	64.067.251.526	64.067.251.526	85.285.873.986	85.285.873.986

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	3.819.001.401	3.819.001.401	31.719.188.855	31.719.188.855
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	-	-	22.616.775.708	22.616.775.708
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	-	-	9.102.413.147	9.102.413.147
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	3.819.001.401	3.819.001.401	-	-

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.991.080.533	12.991.080.533	4.195.324.140	4.195.324.140
MB GLOBAL FOODS XIAMEN	-	-	540.302.400	540.302.400
CONCENTRADIN Công ty CP Sản Xuất Và Cung Ứng Rau Quả Sạch Quốc GEE COOL	1.488.196.182	1.488.196.182	-	-
TRADING	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Người mua trả tiền trước khác	6.502.884.351	6.502.884.351	342.782.700	342.782.700
b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên	1.235.783.704	-	-	-
Cty CP Nafoods Tây Bắc	1.235.783.704	-	-	-

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	285.897.028	233.301.429	519.198.457	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	72.042.222	72.042.222	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.415.200.320	2.720.929.825	4.179.743.770	1.956.386.375
Thuế thu nhập cá nhân	4.723.847.247	2.723.407.204	6.107.680.607	1.339.573.844
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	325.657.086	661.293.027	661.292.855	325.657.258
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế	100.837.128	926.720.039	82.803.401	944.753.766
Phí, lệ phí và các khoản phải	-	867.072.210	-	867.072.210
Cộng	8.851.438.809	8.204.765.956	11.622.761.312	5.433.443.453

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí kiểm toán	72.727.273	68.181.818
Chi phí lãi vay	1.397.288.061	-
Chi phí khác	204.333.333	-
Cộng	1.674.348.667	68.181.818

18. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngắn hạn	4.223.412.696	7.760.424.732
Kinh phí công đoàn	128.352.720	21.987.202
Bảo hiểm xã hội	343.386.460	769.426.689
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.751.673.516	6.969.010.841
+ Phải trả cho nhân viên khoản trả hộ cho Tập đoàn	151.155.818	5.592.161.500
+ Cổ tức phải trả	153.514.342	-
+ Phải trả khác	3.447.003.356	1.376.849.341
b. Dài hạn	-	5.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.000.000.000

19. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	01/01/2019		Phát sinh		31/12/2019		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay và nợ thuê tài chính Ngắn hạn	189.768.599.132	189.768.599.132	1.028.152.493.360	876.995.782.524	340.925.309.968	382.304.562.688	
- Vay Ngắn hạn	189.768.599.132	189.768.599.132	986.773.240.640	876.995.782.524	299.546.057.248	299.546.057.248	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh ⁽¹⁾	37.951.892.235	37.951.892.235	302.611.062.320	238.402.639.451	102.160.315.104	102.160.315.104	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽²⁾	125.816.094.118	125.816.094.118	506.049.930.371	489.025.775.277	142.840.249.212	142.840.249.212	
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - Chi nhánh Vạn Hạnh ⁽³⁾	17.076.916.912	17.076.916.912	40.209.686.439	43.605.123.931	13.681.479.420	13.681.479.420	
Công ty Cổ phần Đầu tư LMC ⁽⁴⁾	192.000.000	192.000.000	-	192.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần Eloan ⁽⁵⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	61.500.000.000	45.500.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	
Công ty TNHH Phát triển VGROWTH ⁽⁶⁾	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	
Endurance Capital Vietnam Ltd., ⁽⁷⁾	-	-	35.130.792.510	23.350.000.000	11.780.792.510	11.780.792.510	
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	353.077.772	353.077.772	-	353.077.772	-	-	
Các đối tượng khác	3.378.618.095	3.378.618.095	33.271.769.000	36.567.166.093	83.221.002	83.221.002	
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	41.379.252.720	-	41.379.252.720	41.379.252.720	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh ⁽⁸⁾	-	-	2.660.000.000	-	2.660.000.000	2.660.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽⁹⁾	-	-	38.719.252.720	-	38.719.252.720	38.719.252.720	

Chi tiêu	01/01/2019		Phát sinh		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	199.101.430.898	199.101.430.898	10.130.124.756	91.246.527.383	117.985.028.271	117.985.028.271
- <i>Vay dài hạn</i>	<i>199.101.430.898</i>	<i>199.101.430.898</i>	<i>10.130.124.756</i>	<i>91.246.527.383</i>	<i>117.985.028.271</i>	<i>117.985.028.271</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh ⁽⁸⁾	14.630.000.000	14.630.000.000	-	5.320.000.000	9.310.000.000	9.310.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽⁹⁾	184.437.430.898	184.437.430.898	10.130.124.756	85.892.527.383	108.675.028.271	108.675.028.271
Các đối tượng khác	34.000.000	34.000.000	-	34.000.000	-	-

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh thành phố Vinh, bao gồm:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT442-NAFOODS GROUP ngày 08/04/2019 với hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng, hạn mức này bao gồm cả khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT442-NAFOODS GROUP ngày 17/07/2018 ký giữa Ngân hàng và Công ty. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất quy định tại các Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là:

- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/HĐBĐ/NHCT442 ngày 12/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và bà Diệp Thị Mỹ Hào. Tài sản thế chấp là căn hộ T1-A37.04 KDC cao cấp Masteri Thảo Điền thuộc Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại 159 Xa lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Diệp Thị Mỹ Hào.
- + Các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và các cá nhân. Tài sản cầm cố là 572.000 cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân do Công ty CP Nafoods Group phát hành.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT442-NAFOODS GROUP ngày 15/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và bà Diệp Thị Mỹ Hào. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất đối với Thửa Đất số 179, tờ bản đồ số 23 đã được UBND huyện Bình Chánh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 609569 ngày 16 tháng 04 năm 2015 đứng tên Hộ Ông Huỳnh Văn Tài và được chuyển nhượng cho bà Diệp Thị Mỹ Hào sinh năm 1982 CMND số 2252023666 theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất được Công chứng viên Văn phòng Công chứng quận 8, TP.HCM công chứng ngày 27/04/2015, số công chứng 005433, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD, số biến động 27622.006331. CN.VP.
- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2019/HĐBĐ/NHCT442-NAFOODS GROUP ngày 30/05/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và Công ty Cổ phần Nafoods Group. Tài sản cầm cố là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP Vinh phát hành xác nhận quyền tài sản của Bên Cầm Cố, cụ thể như sau: Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số BA 00021683 do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP Vinh phát hành ngày 02/05/2019 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. Số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn).

- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2019/HĐBĐ/NHCT442-NAFOODS GROUP ngày 30/05/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và Công ty Cổ phần Nafoods Group. Tài sản cầm cố là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP Vinh phát hành xác nhận quyền tài sản của Bên Cầm Cố, cụ thể như sau: Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số BA 00021700 do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP Vinh phát hành ngày 17/05/2019 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group. Số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn).

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT442-CHANH LEO NAFOODS ngày 29/5/2019, hạn mức cho vay 24.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất vay cụ thể từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đảm bảo số 01/2018/HĐĐB/NHCT442 ngày 20/3/2018, theo đó tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH537143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 7/2/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 19086 đứng tên Công ty Cổ phần Chanh Leo Nafoods.

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT442-NAFOODS TAY NGUYEN ngày 11/01/2019, hạn mức vay: 40.000.000.000 đồng, Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích sử dụng vốn vay thanh toán chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh cây giống, hoa quả, nước ép trái cây, phân bón và các sản phẩm nông nghiệp khác. Tài sản đảm bảo: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, số loại: FORTUNE, màu bạc, BKS 37A-248.92 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group; 100 trái phiếu mã CTG1727T2/02-1375 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng; 200 trái phiếu mã CTG1828T2/01-1816 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng; 4.382.870 cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân do Công ty Cổ phần Nafoods Group phát hành.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, bao gồm:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/HM19-NAN ký ngày 04/01/2019 với hạn mức cho vay là 4.300.000 USD, hạn mức này bao gồm cả dư nợ vay tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức 667/HĐHM18/NAN.KHDN ký ngày 20/11/2018 giữa Ngân hàng và Công ty và Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 430/HDDHM18/NAN.KHDN ký ngày 30/08/2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất trong từng thời kỳ. Thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là:
- + Tài sản trên đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 621539 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/06/2013 của Công ty CP Nafoods Group theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 75/HĐTC16-VIN-KHDN ký ngày 02/06/2016 giữa Ngân hàng và Công ty CP Nafoods Group;
- + Tài sản trên đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 298632 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2013 của Công ty CP Nafoods Group theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 74/HĐTC16-VIN.KHDN ký ngày 02/06/2016 giữa Ngân hàng và Công ty CP Nafoods Group;
- + Máy móc thiết bị, dây chuyền chanh leo IQF, máy phát điện hiệu Himinsa đã qua sử dụng của bên thế chấp là theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329/HĐTC15-VIN-KHDN ký ngày 09/09/2015;
- + 01 xe ô tô con đã qua sử dụng hiệu MITSUBISHI TRITON mang biển kiểm soát số 37C-066.56 của Công ty CP Nafoods Group theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 77/HĐTC16-VIN-KHDN ký ngày 25/05/2016 giữa Ngân hàng và Công ty CP Nafoods Group;

- + 01 xe ô tô con đã qua sử dụng hiệu MITSUBISHI TRITON mang biển kiểm soát số 37C-066.56 của Công ty CP Nafoods Group theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 77/HĐTC16-VIN-KHDN ký ngày 25/05/2016 giữa Ngân hàng và Công ty CP Nafoods Group;
- + Quyền sử dụng đất của ông Phạm Duy Thái và bà Hoàng Thị Như Quỳnh đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 960459 do UBND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/06/2008 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/HĐTC15-VIN_KHDN ký ngày 16/07/2015 giữa Ngân hàng và ông Phạm Duy Thái – bà Hoàng Thị Như Quỳnh;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Trang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 837675 do Sở Tài nguyên và Môi trường phố Vinh cấp ngày 15/07/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 131/HĐTC16-VIN-KHDN ký ngày 05/08/2016 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đình Hùng – bà Nguyễn Thị Trang;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Nafoods Miền Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 837675 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 20/07/2016 giữa Ngân hàng và Công ty CP Nafoods Miền Nam chỉ tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 115/TC18/NAN.KHDN ngày 09/08/2018.
- + Máy móc thiết bị sản xuất đã được hình thành và phân giá trị gia tăng mà Bên Thế chấp đầu tư thêm gắn liền với máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 116/TC18/NAN.KHDN ngày 09/08/2018.
- Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn khác nhau, số tiền vay: Theo từng lần nhận nợ, thời hạn cho vay dưới 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Vay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Vạn Hạnh, bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 41436/19MN/HĐTD ngày 27/11/2019 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trái cây, nước ép trái cây các loại, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng KUNN/ Hợp đồng cấp tín dụng/ hợp đồng cấp bảo lãnh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân/ từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng KUNN, hợp đồng cấp bảo lãnh hoặc hợp đồng cấp tín dụng khác tương ứng và có thể kết thúc sau thời điểm hết hiệu lực của HMTD. Kèm theo đó là Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 35907/19MN/HĐBĐ ngày 27/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Mạnh Hùng. Tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Căn hộ 10.02 Lô A Chung cư số 170 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh theo các giấy tờ: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 282046, Số vào sổ cấp GCN: CH00817 do UBND Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2011, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 29/10/2019.
- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức tín dụng số 28241/18MN/HĐTD ngày 20/11/2018, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất: theo từng lần nhận nợ, mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Bất động sản tại Khu dân cư Gia Hòa, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

(4) Vay Công ty Cổ phần Dầu tư LMC theo các hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ

(5) Vay Công ty cổ phần Eloan, bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 1147/2019/HĐ/ELOAN-NFG ngày 11/11/2019 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Eloan và Công ty Cổ phần Nafoods Group với số tiền nhận đầu tư, thời hạn nhận đầu tư, mục đích sử dụng tiền đầu tư và ngày giải ngân được quy định tại các phụ lục hợp đồng của từng lần vay. Phụ lục số 1147.1/2019/PLHĐ/ELOAN-NFG ngày 12/11/2019 với số tiền nhận đầu tư là 6.500.000.000 đồng, thời hạn đầu tư 3 tháng, mục đích gọi đầu tư: đầu tư phát triển kinh doanh, lãi suất theo thông báo của bên cho vay. Phụ lục số 1147.2/2019/PLHĐ/ELOAN-NFG ngày 13/11/2019 với số tiền nhận đầu tư là 4.500.000.000 đồng, thời hạn đầu tư 3 tháng, mục đích gọi đầu tư: đầu tư phát triển kinh doanh, lãi suất theo thông báo của bên cho vay.

(6) Khoản vay theo Đơn đăng ký vay giữa Công ty Cổ phần Nafoods Group và Công ty TNHH Phát triển VGROWTH (VALIDUS) theo đó số tiền giải ngân ngày 21/11/2019 là 3.000.000.000 đồng, thời hạn 2 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo thông báo của bên cho vay. Khoản vay được bảo lãnh cá nhân thực hiện bởi Giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group.

(7) Vay ngắn hạn Endurance Capital Vietnam Ltd., bao gồm:

- Khoản vay Endurance Capital Việt Nam I theo hợp đồng ngày 07/05/2019 với số tiền vay là 23.300.000.000 đồng (tương đương 1.000.000 USD). Trong đó bên cho vay được quyền chuyển đổi khoản vay trị giá 11.483.700.000 đồng thành 765.580 cổ phần phổ thông với giá 15.000 đồng/cổ phần theo điều kiện quy định tại hợp đồng. Lãi suất khoản vay theo từng giai đoạn vay.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng Công thương - Chi nhánh thành phố Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018 HĐCVDĐT/NHCT442-CHANHLEONAFOODS ngày 23/5/2018, số tiền cho vay 16.000.000.000 đồng, thời gian vay 72 tháng, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, mục đích vay xây dựng cơ sở vật chất, tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất tại xã tri lễ , huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất BT 344774 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/11/2014. Trong năm 2019 đã trả hết nợ của hợp đồng này, đến thời điểm 31/12/2019 số dư vay của hợp đồng này là 0 đồng.

(9) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD-VIN-KHDN ngày 16/12/2014, hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay thả nổi theo từng thời kỳ, mục đích vay xây dựng cơ sở vật chất, tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất tại xã tri lễ , huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất BT 344774 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/11/2014. Trong năm 2019 đã trả hết nợ của hợp đồng này, đến thời điểm 31/12/2019 số dư vay của hợp đồng này là 0 đồng.
- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức đầu tư số 101/DADT17/NAN.KHDN ngày 27/02/2017. Số tiền vay: 61.000.000.000 (VND) hoặc 3.900.000 (USD), 5.000.000 (EUR). Thời hạn cho vay 84 tháng; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án của bên vay theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 837675 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 20/07/2016; Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay, vốn tự có và vốn khác thuộc Dự án; Toàn bộ các quyền tài sản của Bên vay phát sinh từ Dự án; Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Bên vay.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND									
Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	-	2.866.202.541	40.208.374.141	137.112.825.461	480.187.402.143		
Tăng trong năm	62.997.820.000	-	(620.000)	19.643.638.046	13.336.164.387	27.740.965.655	123.717.968.088		
Tăng vốn trong năm	62.997.820.000	-	-	-	-	-	62.997.820.000		
Lãi trong năm trước					13.336.164.387	27.098.331.527	40.434.495.914		
Cổ phiếu quỹ			(620.000)				(620.000)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	19.643.638.046	-	-	19.643.638.046		
Tăng khác	-	-	-	-	-	642.634.128	642.634.128		
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	1.072.233.436	33.091.777.392	73.915.397.720	108.079.408.548		
Chia cổ tức	-	-	-	-	30.488.011.877	47.997.820.000	78.485.831.877		
Trích quỹ đầu tư phát triển						19.643.638.046	19.643.638.046		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi						6.273.939.674	6.273.939.674		
Giảm khác	-	-	-	1.072.233.436	2.603.765.515	-	3.675.998.951		
Số dư cuối năm trước	362.997.820.000	-	(620.000)	21.437.607.151	20.452.761.136	90.938.393.396	495.825.961.683		
Tăng trong năm nay	204.990.630.000	64.473.871.307	-	9.093.839.340	37.857.466	47.880.755.822	326.476.953.935		
Tăng vốn trong năm nay	204.990.630.000	64.473.871.307					269.464.501.307		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	37.857.466	47.880.755.822	47.918.613.288		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.093.839.340	-	-	9.093.839.340		
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	2.256.502.126	19.924.225.825	118.134.289.585	140.315.017.536		
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	72.758.404.044	72.758.404.044		
Trích quỹ đầu tư phát triển						9.093.839.340	9.093.839.340		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi						4.546.919.670	4.546.919.670		
Giảm khác	-	-	-	2.256.502.126	19.924.225.825	31.735.126.531	53.915.854.482		
Số dư cuối năm nay	567.988.450.000	64.473.871.307	(620.000)	28.274.944.365	566.392.777	20.684.859.633	681.987.898.082		

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu,
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 như sau:

	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	9.093.839.340
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.546.919.670
Chia cổ tức	72.758.404.044
Cộng	86.399.163.054

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019	01/01/2019
International Finance Corporation	123.589.330.000	-
Endurance Capital Vietnam Ltd.,	30.773.170.000	19.103.200.000
Vốn góp của cổ đông khác	413.625.950.000	343.894.620.000
Cộng	567.988.450.000	362.997.820.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	362.997.820.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	204.990.630.000	62.997.820.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	567.988.450.000	362.997.820.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	72.596.810.000	47.997.820.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.798.845	36.299.782
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.439.912	36.299.782
- Cổ phiếu phổ thông	44.439.912	36.299.782
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62	62
- Cổ phiếu phổ thông	62	62
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.798.783	36.299.720
- Cổ phiếu phổ thông	44.439.850	36.299.720
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019	01/01/2019
Quỹ đầu tư phát triển	28.274.944.365	21.437.607.151

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán		
	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	48.754,77	20.249,97
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		
Đơn vị tính: VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.069.744.494.939	607.550.117.720
Doanh thu bán hàng hóa	1.055.726.094.939	607.014.854.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.018.400.000	535.263.667
Các khoản giảm trừ doanh thu	27.804.010.311	7.326.082.938
Giảm giá hàng bán	828.821.029	3.256.407.738
Hàng bán bị trả lại	26.975.189.282	4.069.675.200
Doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.041.940.484.628	600.224.034.782
Doanh thu phát sinh với các bên liên quan	9.982.589.340	29.407.343.046
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	9.881.789.340	19.755.162.000
Công ty Cổ phâ Thực Phẩm Nghệ An	100.800.000	9.746.250
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên	-	9.642.434.796
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn bán hàng hóa	805.686.875.574	459.920.453.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.202.530.503	480.737.300
Cộng	808.889.406.077	460.401.191.112
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.418.943.930	6.804.648.863
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.288.894.835	1.544.457.758
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.706.860.599	498.651.741
Cộng	7.414.699.364	8.847.758.362

4. Chi phí tài chính	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	31.981.881.757	17.224.616.261
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	796.250.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.537.043.382	2.293.831.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.084.345.995	265.358.518
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.368.783	92.340.747
Lỗ mua lại phần vốn góp công ty con	2.482.422.679	-
Chi phí tài chính khác	3.108.822.473	86.746.543
Cộng	41.202.885.069	20.759.143.495
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2019	Năm 2018
a. Chi phí bán hàng	110.441.084.205	46.660.597.745
Chi phí nhân viên	10.115.146.172	4.417.823.923
Chi phí vật liệu bao bì, đồ dùng	4.156.430.583	1.081.019.660
Chi phí khấu hao	159.561.432	159.561.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.311.423.128	32.191.767.445
Các khoản khác	7.698.522.890	8.810.425.285
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.433.515.112	32.878.650.713
Chi phí nhân viên quản lý	17.591.592.177	14.129.085.300
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.259.594.782	1.227.760.903
Chi phí khấu hao	5.521.468.721	3.841.460.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.397.979.518	5.044.770.424
Chi phí khác	8.662.879.914	8.635.573.990
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại.	1.981.241.755	3.434.661.695
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN của năm hiện hiện hành.	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.981.241.755	3.434.661.695
Chi phí thuế TNDN của Công ty mẹ và các công ty con trong năm như sau:	Năm 2019	Năm 2018
Công ty Cổ phần Nafoods Group	-	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	583.371.016	206.274.038
Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods	1.397.870.739	3.228.387.657
Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam	-	-
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.981.241.755	3.434.661.695

b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	2.523.054.330	1.431.892.493
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.523.054.330	1.431.892.493

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.880.755.822	27.098.331.527
b. Cổ tức cổ phiếu ưu đãi ⁽¹⁾	-	-
c. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.880.755.822	27.098.331.527
d. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông ⁽²⁾	-	4.546.919.670
e. Số lượng Cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm <i>(e1 + e2)</i>	44.439.850	36.299.782
<i>e1. Cổ phiếu phổ thông phát hành từ đầu năm</i>	36.299.720	30.000.000
<i>e2. Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong năm</i>	8.140.130	6.299.782
f. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm <i>(f1 + f2)</i> ⁽³⁾	76.896.792	31.779.437
<i>f1. Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân từ đầu năm</i>	36.299.720	30.000.000
<i>f2. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân phát hành thêm trong năm</i>	40.597.072	1.779.437
g. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
h. Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{=(c-d)/f\}$	623	710
i. Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{=(c-d)/(f+g)\}$	623	710

⁽¹⁾ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa tính đến ảnh hưởng của Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi do chưa được phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

⁽²⁾ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được xác định lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20/04/2019.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 chưa được phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông

⁽³⁾ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm 2019 được xác định như sau:

	Ngày tăng	Số lượng cổ phiếu	Số ngày lưu hành	Số cổ phiếu bình quân
Cổ phiếu phát hành tăng	13/06/2019	5.444.695	201	2.998.311
Cổ phiếu phát hành tăng	10/06/2019	1.814.986	204	1.014.403
Cổ phiếu phát hành tăng	04/09/2019	880.449	118	284.638
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân phát hành thêm trong năm 2019		8.140.130		4.297.352
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành từ đầu năm				36.299.720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân lưu hành trong năm 2019				40.597.072

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.013.622.228	190.418.195.873
Chi phí nhân công	63.227.168.865	52.473.715.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.287.088.359	16.450.650.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.046.968.021	79.152.136.486
Chi phí khác bằng tiền	26.105.343.138	27.684.114.591
Cộng	764.680.190.611	366.178.812.482

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, trừ số dư khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.16.

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.898.544.471	6.121.936.587
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	564.940.356.769	443.355.182.630
Đầu tư dài hạn khác	48.069.890.140	58.236.388.626
Cộng	631.908.791.380	507.713.507.843
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	458.910.338.239	388.870.030.030
Phải trả người bán và phải trả khác	87.665.913.378	139.913.856.666
Chi phí phải trả	1.674.348.667	68.181.818
Cộng	548.250.600.284	528.852.068.514
Trạng thái ròng	83.658.191.096	(21.138.560.671)

Các loại công cụ tài chính	
Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.	
Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính	
Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.	
Rủi ro thị trường	
<i>Quản lý rủi ro tỷ giá</i>	
Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.	
<i>Quản lý rủi ro lãi suất</i>	
Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.	
<i>Quản lý rủi ro về giá</i>	
Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.	
Rủi ro tín dụng	
Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.	
Quản lý rủi ro thanh khoản	
Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.	

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.			
			Đơn vị tính: VND
	Không quá 1 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	83.442.500.682	-	83.442.500.682
Chi phí phải trả	1.674.348.667	-	1.674.348.667
Phải trả khác	4.223.412.696	-	4.223.412.696
Vay và nợ thuê tài chính	340.925.309.968	117.985.028.271	458.910.338.239
Cộng	430.265.572.013	117.985.028.271	548.250.600.284
Số đầu năm			
Phải trả người bán	127.153.431.934	-	127.153.431.934
Chi phí phải trả	68.181.818	-	68.181.818
Phải trả khác	7.760.424.732	5.000.000.000	12.760.424.732
Vay và nợ thuê tài chính	189.768.599.132	199.101.430.898	388.870.030.030
Cộng	324.750.637.616	204.101.430.898	528.852.068.514
Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.			
Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.			

	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.898.544.471	-	13.898.544.471
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	48.069.890.140	53.069.890.140
Phải thu khách hàng và phải thu khác	531.562.797.492	-	531.562.797.492
Phải thu về cho vay	31.977.559.277	1.400.000.000	33.377.559.277
Cộng	582.438.901.240	49.469.890.140	631.908.791.380
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.121.936.587	-	6.121.936.587
Đầu tư tài chính	-	58.236.388.626	58.236.388.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	383.570.898.386	-	383.570.898.386
Phải thu về cho vay	59.784.284.244	-	59.784.284.244
Cộng	449.477.119.217	58.236.388.626	507.713.507.843

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Tăng giảm các khoản phải thu không bao gồm số tiền tại ngày 31/12/2019 là: 573.641.510 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 97.076.347 đồng), là phải thu về lãi vay, cổ tức lợi nhuận được chia nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.

Tăng giảm các khoản phải thu không bao gồm số tiền tại ngày 01/01/2019 là 68.463.280.000 đồng là số tiền đã chi ứng trước mua cổ phần của Công ty con từ năm trước và số tiền 4.461.032.984 đồng tại ngày 31/12/2019 là số tiền ứng trước cho hoạt động xây dựng cơ bản (tại ngày 01/01/2019 là 2.177.816.008 đồng) . Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm 2019 không bao gồm số tiền tại ngày 31/12/2019 là 1.397.288.061 đồng, là chi phí lãi vay phát sinh nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.

Tăng giảm các khoản phải trả không bao gồm các khoản phải trả cho hoạt động xây dựng cơ bản tại ngày 31/1/2019 là 3.586.277.568 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 11.043.969.571 đồng) và phải khoản cổ tức phải trả tại ngày 31/12/2019 là 161.594.044 đồng

Tiền thu từ đi vay trong năm không bao gồm số tiền 2.727.027.607 đồng, là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ và số tiền 38.984.734.173 đồng là số tiền vay ngắn hạn đầu năm của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên được cộng tăng vào trong năm.

Tiền chi từ đi vay trong năm không bao gồm số tiền 3.324.530.783 đồng, là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Công ty Nafoods Miền Nam.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

STT	Tên Công ty	Mối liên hệ
1	Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Dược Liệu Quế Phong	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp La Giang	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Tân Thắng	Đầu tư khác
5	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An	Đầu tư khác

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2019	Năm 2018
Mua hàng	69.282.950.440	87.749.548.728
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	17.582.281.023	3.782.525.538
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	51.700.669.417	83.967.023.190
Cho vay	12.050.367.835	22.791.040.926
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	11.994.367.835	22.788.040.926
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	56.000.000	3.000.000
Lãi cho vay	1.307.570.408	1.831.019.022
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	5.499.638	-
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	1.257.718.915	1.422.999.194
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	44.351.855	408.019.828
Góp vốn	7.000.000.000	9.100.000.000
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	7.000.000.000	9.100.000.000

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký		
	Năm 2019	Năm 2018
Thù lao Hội đồng quản trị	348.000.000	324.000.000
Tiền lương thù lao ban Tổng Giám đốc	4.564.065.787	3.648.171.888
Tiền lương thù lao Ban kiểm soát, Thư ký	426.053.736	108.000.000
	5.338.119.523	4.080.171.888

4. Báo cáo bộ phận

a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày.

b. Theo lĩnh vực địa lý	Miền Nam	Miền Bắc, Miền Trung	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.771.470.549	16.792.296.021	906.376.718.058	1.041.940.484.628
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.603.610.393	5.936.117.781	745.349.677.903	808.889.406.077
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.167.860.156	10.856.178.240	161.027.040.155	233.051.078.551

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được chuyển sang ngày 01/01/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội







Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 6 tháng 4 năm 2020

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan
Người lập